

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP
THAM GIA SÁT HẠCH TRẠI CHUNG DÒNG SÔNG BÉ
LẦN THỨ VI, NĂM 2023

TỔNG QUÁT LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ VIỆT NAM

Phần 01: LỊCH SỬ VIỆT NAM

Câu 1. Xã hội nguyên thủy trên đất nước Việt Nam phát triển lên giai đoạn công xã thị tộc tức là tương ứng với sự xuất hiện của

- A. người tối cổ
- B. người tinh khôn**
- C. xã hội có giai cấp và nhà nước
- D. loài vượn cổ

Câu 2. Cuộc sống của cư dân Sơn Vi có đặc điểm khác so với cư dân Núi Đọ là

- A. sống thành từng bầy với khoảng 20 – 30 người, gồm 3 – 4 thế hệ
- B. kiếm sống bằng phương thức săn bắt hái lượm
- C. sống thành các thị tộc, bộ lạc**
- D. biết trồng các loại rau, củ, quả và chăn nuôi các loại thú nhỏ

Câu 3. Cuộc sống của cư dân văn hóa Hòa Bình với cư dân văn hóa Sơn Vi có điểm khác là

- A. sống trong các thị tộc bộ lạc
- B. sống trong các hang động, mái đá gần nguồn nước
- C. lấy săn bắt, hái lượm làm nguồn sống chính
- D. đã có một nền nông nghiệp sơ khai**

Câu 4. Cách đây khoảng 5000 – 6000 năm, hoạt động kinh tế chủ yếu của cư dân cổ trên đất nước ta là

- A. săn bắn, hái lượm
- B. săn bắn, hái lượm, đánh cá
- C. săn bắn, hái lượm và trồng rau, củ quả
- D. nông nghiệp trồng lúa**

Câu 5. Cách đây 5000 – 6000 năm, với sự xuất hiện của cuộc đá đã tạo ra sự thay đổi gì trong cuộc sống của người nguyên thủy trên đất nước ta?

- A. Năng suất lao động tăng gấp đôi
- B. Đời sống vật chất được ổn định và cải thiện vượt bậc
- C. Năng suất lao động tăng đời sống vật chất được ổn định và cải thiện hơn, cuộc sống tinh thần được nâng cao**
- D. Mở ra nhiều phương thức kiếm sống so với thời kì trước

Câu 6. Thành tựu không thuộc giai đoạn cách mạng đá mới ở Việt Nam là

- A. Phát triển kĩ thuật mài, cưa, khoan đá, chế tác đồ gốm
- B. Nông nghiệp trồng lúa nước
- C. Chế tác và sử dụng đồ trang sức
- D. Phát minh ra lửa**

Câu 7. Đến nền văn hóa nào trên đất nước ta, người nguyên thủy biết kĩ thuật làm gốm

A. Văn hóa Hòa Bình

B. Văn hóa Bắc Sơn

C. Văn hóa Phùng Nguyên

D. Văn hóa Sơn Vi

Câu 8. Nền văn hóa trên đất nước Việt Nam không thuộc thời đá mới là

A. Văn hóa Hòa Bình

B. Văn hóa Sơn Vi

C. Văn hóa Phùng Nguyên

D. Văn hóa Bắc Sơn

Câu 9. Mở đầu thời đại đồ đồng trên đất nước ta là

A. Cư dân văn hóa Phùng Nguyên

B. Cư dân văn hóa Sa Huỳnh

C. Cư dân văn hóa ở sông Đồng Nai

D. Cư dân văn hóa Đông Sơn

Câu 10. Những nền văn hóa tiêu biểu mở đầu thời đại kim khí và nông nghiệp trồng lúa trên đất nước ta là

A. Hòa Bình, Bắc Sơn – Sa Huỳnh – Phùng Nguyên

B. Phùng Nguyên – Sa Huỳnh – Đồng Nai

C. Sơn Vi – Phùng Nguyên – Sa Huỳnh – Đồng Nai

D. Sơn Vi – Hòa Bình, Bắc Sơn – Sa Huỳnh – Đồng Nai

Câu 11. Thời gian xuất hiện của nền văn hóa Đông Sơn là

A. Đầu thiên niên kỉ II TCN

B. Giữa thiên niên kỉ I TCN

C. Đầu thiên niên kỉ I TCN

D. Thế kỉ I TCN

Câu 12. Chất liệu để chế tác công cụ lãnh đạo phổ biến của cư dân Đông Sơn là

A. Đồng thau, bắt đầu có sắt

B. Đồng đỏ và đồng thau

C. Đồng đỏ và sắt

D. Đồng và sắt

Câu 13. Ý nào không phản ánh đúng hoạt động kinh tế chính trị của cư dân Đông Sơn?

A. Nghề nông trồng lúa nước

B. Săn bắn, chăn nuôi, đánh cá

C. Buôn bán

D. Nghề thủ công

Câu 14. Hoạt động kinh tế chính của cư dân Đông Sơn có gì khác so với cư dân Phùng Nguyên

A. Nông nghiệp trồng lúa nước

B. Phát triển một số nghề thủ công

C. Có hoạt động buôn bán, trao đổi giữa các vùng

D. Xuất hiện phân công lãnh đạo giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp

Câu 15. Nghề thủ công nổi tiếng của cư dân Đông Sơn là

A. Đúc đồng

B. Đục đá, khảm trai

C. Làm đồ gốm

D. Chế tác đồ thủy tinh, dệt vải

Câu 16. Ý nào phản ánh không đúng những biến đổi trong xã hội thời Đông Sơn

- A. Sự giải thể của công xã thị tộc
- B. Sự ra đời của công xã nông thôn (làng, xóm)
- C. Xuất hiện gia đình nhỏ theo chế độ phụ hệ

D. Mâu thuẫn xã hội nảy sinh

Câu 17. Nền văn hóa là tiền đề cho sự ra đời của quốc gia Văn Lang là

A. Văn hóa Hòa Bình

B. Văn hóa Đông Sơn

C. Văn hóa Hoa Lộc

D. Văn hóa Sa Huỳnh

Câu 18. Tổ chức nhà nước thời Văn Lang – Âu Lạc là

A. Vua – Lạc Hầu, Lạc tướng – Lạc dân

B. Vua – vương công, quý tộc – bề chính

C. Vua - Lạc hầu, Lạc tướng – bề chính

D. Vua Hùng – Lạc hầu, Lạc tướng – tù trưởng

Câu 19. Người đứng đầu các bộ nước Văn Lang – Âu Lạc là

A. Lạc hầu **B. Lạc tướng**

C. Quan lang D. Bề chính

Câu 20. Người đứng đầu các bộ của nước Văn Lang – Âu Lạc là

A. Quan lại B. Lạc hầu

C. Lạc tướng **D. Bề chính**

Câu 21. Đặc điểm của nhà nước Văn Lang - Âu Lạc là

A. Bộ máy nhà nước khá hoàn chỉnh, đứng đầu là vua

B. Bộ máy nhà nước phức tạp với nhiều bộ phận, đứng đầu là vua

C. Còn đơn giản sơ khai, chưa hoàn chỉnh, nhưng là tổ chức nhà nước điều hành một quốc gia, không còn là tổ chức bộ lạc

D. Nhà nước ra đời sớm nhất ở khu vực châu Á

Câu 22. Nhà nước Âu Lạc là

A. Sự kế tục nhưng mở rộng hơn về lãnh thổ và hoàn chỉnh hơn về tổ chức so với nước Văn Lang

B. Một nhà nước riêng biệt, không có điểm gì chung so với nhà nước Văn Lang

C. Sự thu hẹp của nhà nước Văn Lang

D. Một nhà nước của tộc người không phải là người Việt

Câu 23. Các tầng lớp chính trong xã hội Văn Lang - Âu Lạc là

A. Vua – quan lại – lạc dân

B. Vua – quý tộc – lạc dân

C. Vua, quý tộc – dân tự do – nô tì

D. Quý tộc – dân tự do

Câu 24. Tín ngưỡng phổ biến của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là

A. Thờ nhân thần

B. Thờ đa thần

C. Thờ thần tự nhiên

D. Thờ linh vật

Câu 25. Nét đặc sắc trong tín ngưỡng của người Việt cổ là

A. Có các nghi thức cầu mưa, cầu cho mưa thuận gió hòa

B. Sung bái các hiện tượng tự nhiên

C. Tục phồn thực

D. Thờ cúng tổ tiên, sung kính các anh hùng dân tộc và những người có công với làng nước

Câu 26. Trên đất nước ta, quốc gia Lâm Ấp - Champa được hình thành ở khu vực

A. Miền Trung

B. Miền Trung và Nam Trung Bộ

C. Tỉnh Quảng Nam

D. Tỉnh Bình Thuận

Câu 27. Nước ta rơi vào ách thống trị của phong kiến phương Bắc từ năm

A. 179 TCN B. 208 TCN

C. 111 TCN D. 179

Câu 28. Sau khi chiếm được Âu Lạc, nhà Triệu chia nước ta thành hai quận là

A. Giao Chỉ và Cửu Chân

B. Cửu Chân và Nhật Nam

C. Nhật Nam và Giao Chỉ

D. Giao Chỉ và Tĩ Ảnh

Câu 29. Nhà Hán chia nước ta làm mấy quận và sáp nhập vào lãnh thổ nào?

A. Ba quận – bộ Giao Chỉ

B. Hai quận – nước Nam Việt

C. Ba quận – bộ Cửu Chân

D. Hai quận – bộ Nhật Nam

Câu 30. Triều đại nào ở Trung Quốc đã thực hiện chính sách tăng cường kiểm soát cửu quan cai trị tới cấp huyện?

A. Nhà Triệu B. Nhà Hán

C. Nhà Ngô D. Nhà Đường

Câu 31. Việc tổ chức bộ máy cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc nhằm mục đích cuối cùng là gì?

A. Sáp nhập nước ta vào lãnh thổ của chúng

B. Thành lập quốc gia mới thàn phục phong kiến Trung Quốc

C. Thành lập quốc gia riêng của người Hán

D. Phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân Âu Lạc

Câu 32. Ý nào không phản ánh đúng mục đích của chính sách độc quyền về sắt của chính quyền đô hộ phương Bắc

A. ở nước ta không có sẵn nguyên liệu này

B. nhằm quản lí chặt chẽ nguồn tài nguyên

C. nhằm duy trì tình trạng sản xuất lạc hậu

D. nhằm ngăn ngừa các cuộc nổi dậy vũ trang của nhân dân ta

Câu 33. Ý nào không phản ánh đúng những chính sách về văn hóa – xã hội của chính quyền đô hộ đối với nhân dân ta

A. Đạo Phật được coi là quốc giáo

B. Truyền bá Nho giáo vào nước ta

C. Bắt nhân dân ta theo phong tục của người Hán

D. Đưa người Hán vào nước ta ở lẫn với người Việt

Câu 34. Các triều đại phong kiến phương Bắc thực hiện chính sách đồng hóa về văn hóa đối với nhân dân ta nhằm mục đích

A. Bảo tồn và phát triển tinh hoa văn hóa phương Đông

B. Khai hóa văn minh cho nhân dân ta

C. Nô dịch, đồng hóa nhân dân ta về văn hóa

D. Phát triển văn hóa Hán trên đất nước ta

Câu 35. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ vào năm

A. 40 B. 41

C. 42 D. 43

Câu 36. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng bùng nổ tại

A. Mê Linh (Vĩnh Phúc)

B. Cổ Loa (Đông Anh – Hà Nội)

C. Hát Môn (Phúc Thọ - Hà Nội)

D. Luy Lâu (Thuận Thành – Bắc Ninh)

Câu 37. Điểm độc đáo của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là

A. Được đông đảo nhân dân tham gia

B. Có sự liên kết với các tù trưởng dân tộc thiểu số

C. Nhiều nữ tướng tham gia chỉ huy cuộc khởi nghĩa

D. Lực lượng nghĩa quân được tổ chức thành nhiều bộ phận; quân thủy, quân bộ và tượng binh

Câu 38. Chính quyền được thành lập sau khởi nghĩa Hai Bà Trưng thắng lợi được đánh giá là

A. Chính quyền tuy còn sơ khai nhưng mang tính độc lập, tự chủ rõ ràng

B. Chính quyền do nhân dân bầu ra

C. Chính quyền được sự thừa nhận của phong kiến phương Bắc

D. Chính quyền chủ yếu thực hiện chức năng quân sự

Câu 39. Mùa xuân năm 544 diễn ra sự kiện gì?

A. Cuộc khởi nghĩa Lý Bí bước vào giai đoạn quyết liệt

B. Lý Bí lên ngôi vua, lập nên nước Vạn Xuân

C. Nước Vạn Xuân được thành lập

D. Lý Bí trao quyền lãnh đạo cho Triệu Quang Phục

Câu 40. Kinh đô của nước Vạn Xuân được dựng lên ở đâu?

A. Cổ Loa (Đông Anh – Hà Nội)

B. Luy Lâu (Thuận Thành – Bắc Ninh)

C. Vùng cửa sông Tô Lịch (Hà Nội)

D. Hoa Lư (Ninh Bình)

Câu 41. Dạ Trạch Vương là tên gọi của nhân dân đối với

A. Lý Bí

B. Triệu Quang Phục

C. Lý Phật Tử

D. Lý Thiên Bảo

Câu 42. Điểm giống nhau giữa khởi nghĩa Hai Bà Trưng và khởi nghĩa Lý Bí là gì?

A. Diễn ra qua hai giai đoạn: khởi nghĩa và kháng chiến

B. Chống ách đô hộ của nhà Hán

C. Chống ách đô hộ của nhà Đường

D. Khởi nghĩa thắng lợi, mở ra giai đoạn mới trong lịch sử dân tộc

Câu 43. Người biết tận dụng thời cơ nổi dậy giành chính quyền tự chủ vào năm 905 là

A. Dương Đình Nghệ

B. Khúc Hạo

C. Khúc Thừa Dụ

D. Khúc Thừa Mĩ

Câu 44. Sự nghiệp giành quyền tự chủ của họ Khúc có ý nghĩa lịch sử

A. Khôi phục lại sự nghiệp của vua Hùng, vua Thục

B. Đem lại độc lập, tự do cho dân tộc

C. Đặt nền móng cho cuộc đấu tranh giành độc lập của nhân dân ta giành thắng lợi hoàn toàn vào năm 938

D. Tạo điều kiện đưa đất nước vươn lên, phát triển thành quốc gia hùng mạnh

Câu 45. Trận Bạch Đằng của Ngô Quyền diễn ra vào năm nào?

A. 931 B. 935

C. 937 D. 938

Câu 46. Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938 là gì?

- A. Buộc quân Nam Hán phải từ bỏ mộng xâm lược nước ta
- B. Nâng cao vị thế của nước ta trong kv
- C. Mở ra thời đại độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc
- D. Để lại bài học về khoan thư sức dân trong kế sách giữ nước

Câu 47. Bộ máy nhà nước phong kiến ở nước ta được tổ chức hoàn chỉnh dưới triều vua

- A. Lý Thái Tổ
- B. Lê Thái Tổ
- C. Trần Thánh Tông

D. Lê Thánh Tông

Câu 48. Nhà nước phong kiến Việt Nam trong các thế kỉ X – XV được xây dựng theo thể chế

- A. Dân chủ B. Cộng hòa
- C. Quân chủ D. Quân chủ chuyên chế

Câu 49. Bộ Luật thành văn đầu tiên của nước ta có tên gọi là gì?

- A. Hình Luật
- B. Quốc triều hình luật
- C. Hình thư
- D. Hoàng Việt luật lệ

Câu 50. Bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta được ban hành dưới triều đại nào?

- A. Triều Lý B. Triều Trần
- C. Triều Lê sơ D. Triều Nguyễn

Câu 51. Ý nào không phản ánh đúng điều kiện để nền kinh tế nước ta phát triển vượt bậc trong các thế kỉ X – XV?

- A. Đất nước độc lập, thống nhất
- B. Lãnh thổ trải rộng từ Bắc vào Nam**
- C. Nhà nước quan tâm, chăm lo phát triển sản xuất
- D. Nhân dân cả nước phấn khởi, ra sức khai phá mở rộng ruộng đồng, phát triển sản xuất

Câu 52. Trung tâm chính trị văn hóa và đô thị lớn nhất của nước Đại Việt trong các thế kỉ X – XV là

- A. Phố Hiến (Hưng Yên)
- B. Thanh Hà (Phú Xuân – Huế)
- C. Hội An (Quảng Nam)

D. Thăng Long

Câu 53. Trong xã hội phong kiến, sự phát triển về kinh tế đưa đến hệ quả gì về mặt xã hội?

- A. Đẩy nhanh sự phân hóa xã hội**
- B. Nông dân ngày càng bị bần cùng hóa
- C. Đại địa chủ bước lên vũ đài chính trị
- D. Mâu thuẫn giữ

Câu 54. Từ sau chiến thắng Bạch Đằng (938) đến thế kỉ XV, nhân dân ta còn phải tiến hành nhiều cuộc kháng chiến chống quân xâm lược đó là

- A. Hai lần chống Tống, ba lần chống Mông – Nguyên và chống Minh**
- B. Chống Tống, ba lần chống Mông – Nguyên, chống Minh và chống Xiêm
- C. Hai lần chống Tống, hai lần chống Mông – Nguyên và chống Minh

D. Hai lần chống Tống, ba lần chống Mông – Nguyên, chống Minh và chống Thanh
Câu 55. Tinh thần chủ động đối phó với quân Tống của nhà Lý thể hiện rõ trong chủ trương

A. Vườn không nhà trống

B. Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn mũi nhọn của giặc

C. Lập phòng tuyến chắc chắn để chặn giặc

D. Tích cực chuẩn bị lương thảo, vũ khí, luyện quân để chống lại thế mạnh của giặc

Câu 56. Ai là người đề ra chủ trương “Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn mũi nhọn của giặc”?

A. Lý Thường Kiệt

B. Trần Thủ Độ

C. Trần Hưng Đạo

D. Trần Thánh Tông

Câu 57. Bài thơ “Nam quốc sơn hà” ra đời trong hoàn cảnh nào?

A. Trong cuộc tập kích lên đất Tống của quân ta

B. Đang lúc diễn ra trận đánh ác liệt ở phòng tuyến sông Như Nguyệt

C. Khi vua Tống đầu hàng Đại Việt

D. Trong buổi lễ mừng chiến thắng quân Tống

Câu 58. Dưới triều Trần, nhân dân Đại Việt đã phải ba lần kháng chiến chống xâm lược Mông – Nguyên, lần lượt vào các năm

A. 1258, 1285 và 1287 – 1288

B. 1258, 1285 và 1288

C. 1255, 1285 và 1287 – 1288

D. 1258, 1285, 1289

Câu 59. Để đối phó với thế mạnh của quân Mông – Nguyên, cả ba lần nhà Trần đều thực hiện kế sách

A. Ngụ binh ư nông

B. Tiên phát chế nhân

C. Vườn không nhà trống

D. Lập phòng tuyến chắc chắn để đánh giặc

Câu 60. Tôn giáo nào không được du nhập vào nước ta từ thời Bắc thuộc?

A. Phật giáo B. Nho giáo

C. Đạo giáo **D. Hồi giáo**

Câu 61. Hệ tư tưởng chính thống của các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV là.

A. Phật giáo **B. Nho giáo**

C. Đạo giáo D. Hồi giáo

Câu 62. Dưới thời Lý – Trần, tôn giáo có vị trí đặc biệt quan trọng và rất phổ biến trong nhân dân là

A. Phật giáo B. Nho giáo

C. Đạo giáo D. Kitô giáo

Câu 63. Việc thi cử để tuyển chọn người tài cho đất nước đã hoàn thiện và đi vào nếp dưới triều vua?

A. Lý Nhân Tông

B. Trần Thái Tông

C. Lê Thái Tổ

D. Lê Thánh Tông

Câu 64. Giáo dục nho giáo có hạn chế gì?

- A. Không khuyến khích việc học hành thi cử
- B. Không tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế**
- C. Nội dung chủ yếu là kinh sử
- D. Chỉ con em quan lại, địa chủ mới được đi học

Câu 65. Thành tựu tiêu biểu của văn học dân tộc, ra đời từ thế kỉ XI, đến thế kỉ XV gắn liền với các tác giả như Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Lý Tử Tấn là

- A. Văn học mang tư tưởng Phật giáo
- B. Văn học chữ Hán
- C. Văn học chữ Nôm**
- D. Văn học dân gian

Câu 66. Công trình được xây dựng từ cuối thế kỉ XIV, là điển hình của nghệ thuật xây thành ở nước ta và ngày nay đã được công nhận là Di sản văn hóa thế giới

- A. Kinh thành Thăng Long
- B. Hoàng thành Thăng Long
- C. Thành nhà Hồ (Thanh Hóa)**
- D. Kinh thành Huế

Câu 67. Bộ sử chính thống đầu tiên của nước ta là

- A. Đại Việt sử kí**
- B. Lam Sơn thực lục
- C. Đại Việt sử kí toàn thư
- D. Đại Việt sử lược

Câu 68. Năm 1527, vương triều Mạc được thành lập là do

- A. Các tướng lĩnh trong triều Lê sơ đã suy tôn Mạc Đăng Dung lên làm vua
- B. Vua Lê tự nguyện nhường ngôi cho Mạc Đăng Dung
- C. Mạc Đăng Dung ép vua Lê nhường ngôi**
- D. Nhà Minh ép vua Lê nhường ngôi cho Mạc Đăng Dung

Câu 69. Trong những năm đầu thành lập, nhà Mạc đã xây dựng chính quyền theo mô hình nào?

- A. Theo mô hình nhà nước thời Lý – Trần
- B. Theo mô hình cũ của triều Lê sơ**
- C. Giữ nguyên bộ máy quan lại của triều Lê sơ
- D. Theo mô hình của nhà Minh ở Trung Quốc

Câu 70. Nhà Mạc tập trung xây dựng một lực lượng quân đội mạnh nhằm đích chính là?

- A. Chuẩn bị đối phó với cuộc xâm lược của nhà Minh
- B. Chuẩn bị đối phó với mọi tình hình có thể xảy ra**
- C. Chuẩn bị chiến tranh xâm lược các nước láng giềng
- D. Mở rộng lãnh thổ xuống phía Nam

Câu 71. Thế kỉ XVI, nước ta ở trong tình trạng bị chia cắt bởi cục diện

- A. Nam triều – Bắc triều**
- B. Vua Lê – Chúa Trịnh
- C. Đàng Ngoài – Đàng Trong
- D. Họ Trịnh – họ Nguyễn

Câu 72. Chiến tranh Nam – Bắc triều kết thúc vào năm nào?

- A. Năm 1545
- B. Năm 1565
- C. Năm 1590
- D. Năm 1592

Câu 73. Trong giai đoạn lịch sử này, tình hình nào tạo điều kiện cho chúa Trịnh lần át quyền vua Lê

- A. Thế lực vua Lê ngày càng yếu**

- B. Vua Lê đồng ý trao quyền lực cho chúa Trịnh
- C. Họ Trịnh có công chính trong việc đánh đổ nhà Mạc
- D. Nhà Lê không được quan lại và nhân dân ủng hộ như trước

Câu 74. Cuộc chiến tranh giữa hai tập đoàn phong kiến ở nước ta, kéo dài trong gần 50 năm của thế kỉ XVII là

- A. Chiến tranh Nam – Bắc triều
- B. Chiến tranh Trịnh – Nguyễn**
- C. Chiến tranh 50 năm
- D. Chiến tranh Lê – Trịnh – Nguyễn

Câu 75. Con sông lịch sử chia cắt đất nước thành Đàng trong và Đàng ngoài

- A. Sông Mã B. Sông La
- C. Sông Gianh D. Sông Bến Hải**

Câu 76. Ý nào không phản ánh đúng những biến đổi lớn của nhà nước phong kiến Việt Nam trong các thế kỉ XVI – XVIII?

- A. Triều Lê sơ tiến hành cải cách hành chính**
- B. Cục diện Nam triều – Bắc triều
- C. Cục diện Đàng Trong – Đàng Ngoài
- D. Cục diện vua Lê – chúa Trịnh

Câu 77. Đến thế kỉ XVII, lãnh thổ đất nước ta được mở rộng về phía

- A. Tây B. Bắc
- C. Đông D. Nam**

Câu 78. Câu ca sau chứng tỏ điều gì

***Đình Bảng bán ẩm, bán khay
Phù Lưu họp chợ mỗi ngày một đông.***

- A. Sự phát triển của thủ công nghiệp
- B. Sự xuất hiện nhiều nghề thủ công mới
- C. Sự giao lưu buôn bán trong nước ngày càng phát triển**
- D. Người dân họp chợ buôn bán hàng hóa

Câu 79. Nét mới về ngoại thương ở nước ta trong các thế kỉ XVI – XVIII là

- A. Đã xuất hiện những thương nhân đến từ châu Âu**
- B. Đàng Trong đã hình thành các thương cảng lớn nhất đất nước
- C. Sự ra đời của các cơ quan chuyên trách việc buôn bán với nước ngoài
- D. Sự ra đời của những đội thuyền lớn để buôn bán với châu Âu

Câu 80. Từ giữa thế kỉ XVIII, ngoại thương nước ta dần suy yếu vì

- A. Giai cấp thống trị chuyển sang ăn chơi, hưởng thụ
- B. Chúa Trịnh, chúa Nguyễn hạn chế ngoại thương do tình hình chính trị
- C. Chính sách thuế khóa ngày càng phức tạp, quan lại sách nhiễu**
- D. Bị cạnh tranh bởi các nước trong khu vực

Câu 81. Trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa lớn nhất của nước ta trong các thế kỉ XVI – XVIII là

- A. Phố Hiến (Hưng Yên)
- B. Hội An (Quảng Nam)
- C. Thanh Hà (Phú Xuân – Huế)
- D. Kinh Kỳ (Kê Chợ)**

Câu 82. Trung tâm trao đổi, buôn bán sầm uất nhất Đàng Trong là

- A. Hội An (Quảng Nam)**
- B. Nước Mặn (Bình Định)
- C. Gia Định (thành phố Hồ Chí Minh)
- D. Thanh Hà (Phú Xuân – Huế)

Câu 83. Phong trào Tây Sơn nổ ra vào năm nào?

- A. Năm 1771
- B. Năm 1775
- C. Năm 1789
- D. Năm 1791

Câu 84. Phong trào Tây Sơn bắt đầu từ địa phương nào

- A. Tây Sơn hạ đạo
- B. Tây Sơn thượng đạo**
- C. Phủ Quy Nhơn
- D. Gia Định

Câu 85. Từ năm 1771 đến năm 1783, thành tựu mà nghĩa quân Tây Sơn đạt được là

- A. Đánh đổ chúa Nguyễn, làm chủ phần đất từ Quảng Nam trở vào**
- B. Đánh đổ chúa Nguyễn, làm chủ toàn bộ Đàng Trong
- C. Đánh đổ chúa Nguyễn, chiến thắng quân Xiêm xâm lược
- D. Đánh đổ chúa Nguyễn ở Đàng Trong, bước đầu làm suy yếu lực lượng của chúa Trịnh ở Đàng Ngoài

Câu 86. Sử cũ viết: “Người Xiêm sau trận thua năm Giáp Thìn (đầu năm 1785), ngoài miệng tuy nói khoác nhưng trong bụng thì sợ quân Tây Sơn như sợ cọp”, chứng tỏ điều gì?

- A. Những tên lính Xiêm chạy thoát khi nhắc đến quân Tây Sơn thì vô cùng sợ hãi
- B. Cách đánh giặc tài tình của quân Tây Sơn
- C. Khẳng định uy tín và sức mạnh của phong trào Tây Sơn**
- D. Quân Xiêm không dám sang xâm lược nước ta

Câu 87. Sau khi làm chủ hầu hết các vùng Đàng Trong, lịch sử đặt ra cho phong trào Tây Sơn nhiệm vụ gì

- A. Tiến quân ra Bắc hội quân với vua Lê để đánh đổ chúa Trịnh
- B. Tiến quân ra Bắc tiêu diệt quân Thanh
- C. Tiến quân ra Bắc đánh đổ chính quyền Lê – Trịnh, thực hiện sứ mệnh thống nhất đất nước**
- D. Tiêu diệt chúa Trịnh lập nên triều đại mới

Câu 88. Trong những năm 1786 – 1788, với việc đánh đổ hai tập đoàn phong kiến Trịnh – Lê, đóng góp của phong trào Tây Sơn là gì?

- A. Hoàn thành việc thống nhất đất nước
- B. Xóa bỏ sự chia cắt Đàng Trong – Đàng Ngoài, bước đầu hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước
- C. Thiết lập vương triều Tây Sơn
- D. Mở ra một giai đoạn mới trong lịch sử dân tộc

Câu 89. Cuộc kháng chiến chống quân Thanh giành thắng lợi vào năm nào

- A. Năm 1771
- B. Năm 1785
- C. Năm 1789**
- D. Năm 1791

Câu 90. Trận đánh quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Thanh diễn ra ở đâu?

- A. Sông Như Nguyệt
- B. Chi Lăng – Xương Giang
- C. Ngọc Hồi – Đống Đa**
- D. Sông Bạch Đằng

Câu 91. Phong trào Tây Sơn mang tính chất

- A. Cuộc kháng chiến chống ngoại xâm
- B. Cuộc khởi nghĩa nông dân**
- C. Chiến tranh giải phóng dân tộc

D. Cuộc nội chiến giữa các tập đoàn phong kiến trong nước

Câu 92. Đạo Thiên Chúa được truyền bá vào nước ta thông qua

A. Thương nhân phương Tây

B. Giáo sĩ phương Tây

C. Thương nhân Trung Quốc

D. Giáo sĩ Nhật Bản

Câu 93. Thiên Chúa giáo bắt đầu truyền bá vào nước ta từ khi nào?

A. Nửa đầu thế kỉ XVI

B. Cuối thế kỉ XV

C. Thế kỉ XVII

D. Thế kỉ XVIII

Câu 94. Chữ Quốc ngữ xuất hiện ở nước ta từ thời gian nào và có đặc điểm gì?

A. Từ thế kỉ XVI – theo mẫu chữ Nôm

B. Từ giữa thế kỉ XVII – theo mẫu tự Latinh

C. Từ thế kỉ XVIII – theo mẫu chữ tượng hình

D. Từ đầu thế kỉ XX – theo mẫu chữ tượng ý

Câu 95. Nội dung giáo dục ở nước ta trong các thế kỉ XVI – XVIII chủ yếu là

A. Các môn khoa học

B. Các môn khoa học tự nhiên

C. Giáo lí Nho giáo

D. Giáo lí Phật giáo

Câu 96. Ý không phản ánh đúng sự hạn chế trong nội dung giáo dục nước ta ở các thế kỉ XVI – XVIII là

A. Vẫn dùng chữ Hán, chữ Nôm trong học hành thi cử

B. Nội dung giáo dục chủ yếu vẫn là kinh sử

C. Các môn khoa học tự nhiên không được chú ý

D. Không được đưa nội dung các môn khoa học vào thi cử

Câu 97. Bộ quốc sử tiêu biểu của Việt Nam thời phong kiến là

A. Lê triều công nghiệp thực lục của Hồ Sĩ Dương

B. Ô châu cận lục của Dương Văn An

C. Đại Nam thực lục của Quốc sử quán triều Nguyễn

D. Đại Việt sử kí toàn thư của Ngô Sĩ Liên

Câu 98. Tên nước Việt Nam có từ bao giờ?

A. Năm 1802 **B. Năm 1804**

C. Năm 1815 D. Năm 1820

Câu 99. Vua Gia Long đã chia đất nước thành

A. Hai miền: miền Bắc và miền Nam

B. Ba miền: miền Bắc, miền Trung và miền Nam

C. Ba vùng: Bắc thành, Gia Định và Trục Doanh

D. Ba trấn: Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ

Câu 100. Vị vua nào dưới triều Nguyễn đã quyết định chia đất nước thành các đơn vị hành chính tỉnh

A. Gia Long **B. Minh Mạng**

C. Thiệu Trị D. Tự Đức

Câu 101. Dưới triều Nguyễn, việc tuyển chọn quan lại được tiến hành theo phương thức nào

A. Từ những người thân cận, trung thành

B. Dựa vào giáo dục, khoa cử

C. Lúc đầu, từ những người thân cận về sau chủ yếu dựa vào giáo dục khoa cử

D. Từ những người thân cận và thông qua khoa cử, kể cả dùng tiền mua

Câu 102. Tên gọi khác của bộ “Hoàng triều luật lệ” là

A. Hình thư

B. Hoàng Việt luật lệ

C. Hình luật

D. Luật Hồng Đức

Câu 103. Ý nào không phản ánh đúng chính sách đối ngoại của triều Nguyễn?

A. Phục tùng nhà Thanh

B. Bắt Lào và Chân Lạp thần phục

C. Chủ trương thiết lập quan hệ giao ban với Mĩ

D. Thực hiện chính sách “đóng cửa” với các nước tư bản châu Âu

Câu 104. Về tổng thể chính sách của nhà Nguyễn về kinh tế là

A. Trọng nông, ức thương

B. Trọng thương, ức nông

C. Hạn chế phát triển các ngành nghề mới

D. Coi trọng thủ công nghiệp và thương nghiệp

Câu 105. Điểm nổi bật của chế độ phong kiến Việt Nam giữa thế kỉ XIX là

A. Chế độ quân chủ chuyên chế đang trong thời kì thịnh trị

B. Có một nền chính trị độc lập

C. Đạt được những tiến bộ nhất định về kinh tế, văn hóa

D. Có những biểu hiện khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng

Câu 106. Nguyên nhân nào là cơ bản khiến công, thương nghiệp nước ta đình đốn ở thế kỉ XIX?

A. Thợ thủ công, thương nhân bỏ nghề vì thuế khóa nặng nề

B. Nhà nước nắm độc quyền về công thương nghiệp

C. Bị thương nhân nước ngoài cạnh tranh gay gắt

D. Thiếu nguyên vật liệu

Câu 107. Chính sách “bế quan tỏa cảng” của nhà Nguyễn thực chất là

A. Nghiêm cấm các hoạt động buôn bán

B. Nghiêm cấm các thương nhân buôn bán hàng hóa với người nước ngoài

C. Không giao thương với thương nhân phương Tây

D. Cấm người nước ngoài đến buôn bán tại Việt Nam

Câu 108. Trong cuộc chạy đua thôn tính phương Đông, tư bản Pháp đã lợi dụng việc làm nào để chuẩn bị tiến hành xâm lược Việt Nam

A. Buôn bán, trao đổi hàng hóa

B. Truyền bá đạo Thiên Chúa

C. Đầu tư kinh doanh, buôn bán tại Việt Nam

D. Thông qua buôn bán vũ khí với triều đình nhà Nguyễn

Câu 109. Việc Nguyễn Ánh từng dựa vào Pháp để khôi phục quyền lợi của dòng họ Nguyễn đã tạo ra

A. Xu hướng thân thiết với Pháp trong triều đình

B. Sự phá vỡ chính sách “bế quan tỏa cảng”

C. Điều kiện cho tư bản Pháp can thiệp vào Việt Nam

D. Khả năng phát triển của Việt Nam bằng con đường hợp tác với phương Tây

Câu 110. Năm 1857, Napoléon III lập ra Hội đồng Nam Kỳ, tiếp đó cho sứ thần tới Huế đòi “tự do buôn bán và truyền đạo”, tặng viện cho hạm đội Pháp ở Thái Bình Dương. Những hành động đó chứng tỏ điều gì?

A. Pháp muốn đầu tư, hợp tác kinh tế với Việt Nam

B. Pháp chuẩn bị xâm lược Việt Nam

- C. Việt Nam là đối tác tiềm năng của Pháp
- D. Pháp không quan tâm đến Việt Nam

Câu 111. Giữa thế kỉ XIX, Pháp ráo riết tìm cách đánh chiếm Việt Nam để

- A. Biến Việt Nam thành bàn đạp xâm lược Quảng Châu (Trung Quốc)

B. Tranh giành ảnh hưởng với Anh tại châu Á

- C. Loại bỏ sự ảnh hưởng của triều đình Mãn Thanh ở Việt Nam
- D. Biến Việt Nam thành căn cứ để tiến công thuộc địa của Anh

Câu 112. Chiều 31-8-1858, liên quân Pháp – Tây Ban Nha kéo quân tới dàn trận trước cửa biển nào?

- A. Đà Nẵng B. Hội An
- C. Lăng Cô D. Thuận An

Câu 113. Vì sao Tây Ban Nha tham gia liên quân với Pháp xâm lược Việt Nam?

- A. Quân Pháp quá yếu, muốn dựa vào quân Tây Ban Nha
- B. Pháp và Tây Ban Nha thỏa thuận chia nhau xâm lược Việt Nam
- C. Trả thù cho một số giáo sĩ Tây Ban Nha bị triều đình nhà Nguyễn giam giữ, giết hại
- D. Tây Ban Nha không muốn Pháp độc chiếm Việt Nam

Câu 114. Nội dung nào không phải là lí do khiến Pháp quyết định chiếm Gia Định?

- A. Pháp nhận thấy không thể chiếm Đà Nẵng
- B. Chiếm Gia Định có thể cắt đường tiếp tế lương thực của nhà Nguyễn
- C. Gia Định không có quân triều đình đóng
- D. Gia Định có hệ thống giao thông thuận lợi, từ Gia Định có thể rút quân sang Campuchia

Câu 115. Tại sao khi chiếm được thành Gia Định năm 1859, quân Pháp lại phải dùng thuốc nổ phá thành và rút xuống tàu chiến?

- A. Vì trong thành không có lương thực
- B. Vì trong thành không có vũ khí
- C. Vì quân triều đình phản công quyết liệt
- D. Vì các đội dân binh ngày đêm bám sát và tiêu diệt chúng

Câu 116. Khi được điều từ Đà Nẵng vào Gia Định năm 1860, Nguyễn Tri Phương đã gấp rút huy động hàng vạn quân và dân binh để làm gì?

- A. Sản xuất vũ khí
- B. Xây dựng đại đồn Chí Hòa
- C. Ngày đêm luyện tập quân sự
- D. Tổ chức tấn công quân Pháp ở Gia Định

Câu 117. Vì sao năm 1861, Gia Định lại bị thất thủ một lần nữa?

- A. Quân ta không chủ trương giữ thành Gia Định
- B. Quân Pháp quá mạnh
- C. Quân ta đã chọn cách phòng thủ, không chủ động tiến công khi có cơ hội
- D. Lực lượng quân ta ở Gia Định quá yếu, thiếu vũ khí chiến đấu

Câu 118. Thiệt hại nghiêm trọng nhất của Việt Nam khi kí Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) với Pháp là

- A. Nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ và đảo Côn Lôn
- B. Bồi thường 20 triệu quan tiền cho Pháp
- C. Triều đình phải mở ba cửa biển: Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho thương nhân Pháp vào buôn bán
- D. Mất thành Vĩnh Long nếu triều đình không chấm dứt các hoạt động chống Pháp ở ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ

Câu 119. Người đã kháng lệnh triều đình, phát cao ngọn cờ “Bình Tây Đại nguyên soái”, lãnh đạo nghĩa quân chống Pháp là ai?

- A. Nguyễn Tri Phương B. Nguyễn Trung Trực
C. Phạm Văn Nghị D. Trương Định

Câu 120. Sau khi đã hoàn thành về cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp bắt đầu

- A. khai thác thuộc địa lần thứ nhất.
B. khai thác thuộc địa lần thứ hai.

C. xúc tiến việc thiết lập bộ máy chính quyền thực dân và chế độ bảo hộ lên phần lãnh thổ Bắc Kỳ và Trung Kỳ.

- D. xúc tiến việc lập bộ máy cai trị trên toàn Việt Nam.

Câu 121. Tôn Thất Thuyết mượn danh Hàm Nghi xuống chiếu Cần vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên, vì vua mà kháng chiến vào thời gian nào?

- A. Ngày 20-7-1885.

- B. Ngày 02-7-1885.

C. Ngày 13-7-1885.

- D. Ngày 17-3-1885.

Câu 122. Tiêu biểu nhất cho phong trào Cần vương từ Thanh Hoá đến Phú Yên là phong trào nào?

A. Cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng ở Bình Định.

- B. Cuộc khởi nghĩa của Lê Trung Đình ở Quảng Ngãi.

- C. Cuộc nổi dậy của Bùi Điền, Nguyễn Đức Nhuận.

- D. Cuộc khởi nghĩa của Đào Doãn Địch, Nguyễn Duy Cung.

Câu 123. Cuối năm 1888, do sự phản bội của ai, vua Hàm Nghi rơi vào tay giặc Pháp?

- A. Cửa Nguyễn Quang Ngọc.

- B. Cửa Tôn Thất Thuyết.

C. Cửa Trương Quang Ngọc.

- D. Cửa Nguyễn Duy Cung.

Câu 124. Cuộc khởi nghĩa Ba Đình bị thất bại vào thời gian nào?

- A. Ngày 6-1-1887.

- B. Ngày 15-1-1887.

C. Ngày 21-1-1887.

- D. Ngày 22-2-1887.

Câu 125. Cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy diễn ra trong khoảng thời gian

- A. từ năm 1885 đến năm 1887.

- B. từ năm 1887 đến năm 1889.

C. từ năm 1885 đến năm 1892.

- D. từ năm 1885 đến năm 1888.

Câu 126. Khởi nghĩa Hương Khê diễn ra trong thời gian nào?

A. Từ năm 1885 đến năm 1896.

- B. Từ năm 1885 đến năm 1890.

- C. Từ năm 1884 đến năm 1894.

- D. Từ năm 1886 đến năm 1896.

Câu 127. Phong trào Cần vương ở Việt Nam cuối thế kỉ XIX đi theo khuynh hướng cứu nước nào của dân tộc Việt Nam?

- A. Khuynh hướng dân chủ tư sản.

- B. Khuynh hướng quốc gia cải lương,

- C. Khuynh hướng phong kiến.
- D. Khuynh hướng cách mạng bạo lực.

Câu 128. Cuộc khởi nghĩa Ba Đình diễn ra trong khoảng thời gian

- A. từ năm 1886 đến năm 1888.
- B. từ năm 1887 đến năm 1888.
- C. từ năm 1886 đến năm 1887.**
- D. từ năm 1886 đến năm 1889.

Câu 129. Lực lượng nào tham gia đông nhất trong khởi nghĩa nông dân Yên Thế?

- A. Công nhân.
- B. Nông dân.**
- C. Các dân tộc sống ở miền núi.
- D. Nông dân và công nhân.

Câu 130. Nghĩa quân Yên Thế hòa hoãn với thực dân Pháp trong thời gian nào?

- A. Từ năm 1898 đến năm 1908.**
- B. Từ năm 1889 đến năm 1898.
- C. Từ năm 1890 đến năm 1913.
- D. Từ năm 1909 đến năm 1913.

Câu 131. Dựa vào phong trào kháng chiến của nhân dân, phái chủ chiến trong triều đình Huế đại diện là những ai mạnh tay hành động chống Pháp?

- A. Nguyễn Trường Tộ, Phan Thanh Giản.
- B. Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường,
- C. Tôn Thất Thuyết và vua Hàm Nghi.**
- D. Nguyễn Văn Tường và Nguyễn Đức Nhuận.

Câu 132. Thực dân Pháp đã hoàn thành về cơ bản cuộc xâm lược Việt Nam khi

- A. đánh chiếm toàn bộ Bắc Kỳ.
- B. đánh chiếm toàn bộ Nam Kỳ.
- C. Nhà Nguyễn kí Hiệp ước Hác-măng và Patơ-nôt.**
- D. các phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân ta bị thất bại.

Câu 133. Cứ điểm của khởi nghĩa Ba Đình được xây dựng ở

- A. Tân Sở Phòng tỉnh Quảng Trị.
- B. khắp các huyện thuộc tỉnh Thanh Hoá.
- C. ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khuê thuộc Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.**
- D. Thung Voi, Thung Khoai tỉnh Thanh Hoá.

Câu 134. Dựa vào địa hình ở đâu, nghĩa quân đã xây dựng một căn cứ chống Pháp độc đáo?

- A. Ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khuê.**
- B. Ở Thung Voi, Thung Khoai tỉnh Thanh Hoá.
- C. Ở Quảng Hoá và căn cứ Mã Cao.
- D. Ở huyện Nga Sơn tỉnh Thanh Hoá.

Câu 135. Hoạt động chủ yếu của nghĩa quân Ba Đình là

- A. tấn công vào 500 quân Pháp đang đóng ở Ba Đình.
- B. tập hợp lực lượng gồm người Kinh, người Thái, người Mường để chống Pháp,
- C. chặn đánh các đoàn xe vận tải của địch và tập kích vào các toán lính hành quân qua căn cứ Ba Đình.**
- D. dùng hòa lực liên tiếp dội vào quân địch.

Câu 136. Lực lượng nghĩa quân bao gồm đông đảo nông dân, các dân tộc thiểu số ở miền núi Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình. Đó là đặc điểm của khởi nghĩa

- A. khởi nghĩa Bãi Sậy.
- B. khởi nghĩa Ba Đình**

C. khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

D. khởi nghĩa Hương Khê.

Câu 137. Trong phong trào Cần vương, khởi nghĩa Hương Khê là đỉnh cao nhất vì một trong các lí do sau.

A. Phong trào kéo dài trong hai mươi năm.

B. Tổ chức đánh địch một cách có hiệu quả.

C. Phong trào lập được nhiều chiến công, gây cho địch tổn thất nặng nề.

D. Phong trào đã đánh bại các âm mưu của Pháp.

Câu 138. Là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất của nhân dân vùng châu thổ Bắc Bộ cuối thế kỉ XIX với người lãnh đạo khởi nghĩa là Nguyễn Thiện Thuật. Đó là cuộc khởi nghĩa

A. khởi nghĩa Bãi Sậy.

B. khởi nghĩa Ba Đình,

C. khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

D. khởi nghĩa Hương Khê.

Câu 139. Lãnh đạo khởi nghĩa là Đinh Công Tráng. Địa bàn khởi nghĩa thuộc ba làng Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê, huyện Nga Sơn (Thanh Hoá). Đó là cuộc khởi nghĩa

A. khởi nghĩa Bãi Sậy.

B. khởi nghĩa Ba Đình,

C. khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

D. khởi nghĩa Hương Khê.

Câu 140. Khởi nghĩa nổ ra trong những năm 1885- 1895. Lãnh đạo khởi nghĩa là Phan Đình Phùng. Đó là cuộc khởi nghĩa

A. khởi nghĩa Bãi Sậy.

B. khởi nghĩa Ba Đình,

C. khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

D. khởi nghĩa Hương Khê.

Câu 141. Lãnh đạo chính của cuộc khởi nghĩa này là Tống Duy Tân và một số thủ lĩnh người Thái là Cầm Bá Thước. Đó là cuộc khởi nghĩa

A. khởi nghĩa Bãi Sậy.

B. khởi nghĩa Ba Đình,

C. khởi nghĩa Hùng Lĩnh.

D. khởi nghĩa Hương Khê.

Câu 142. Địa bàn của khởi nghĩa Hương Khê rộng hơn các cuộc khởi nghĩa khác, đó là

A. địa bàn kéo dài từ Quảng Bình đến Thanh Hoá.

B. địa bàn kéo dài từ Nghệ An đến Lào.

C. từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi và sang Lào.

D. địa bàn gồm bốn tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, thậm chí có lúc sang cả địa phận nước Lào.

Câu 143. Phan Bội Châu thực hiện chủ trương giải phóng dân tộc bằng con đường nào?

A. Cải cách kinh tế, xã hội

B. Duy tân để phát triển đất nước

C. Bạo lực để giành độc lập dân tộc

D. Đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang

Câu 144. Để thực hiện chủ trương cầu viện Nhật Bản giúp đỡ đánh Pháp, Phan Bội Châu đã tổ chức phong trào

- A. Duy tân
C. Bạo động chống Pháp
- B. Đông du**
D. “Chấn hưng nội hóa”

Câu 145. Vì sao phong trào Đông du tan rã (1908)?

- A. Phụ huynh đòi đưa con em về nước trước thời hạn
B. Đã hết thời gian đào tạo, học sinh phải về nước
C. Phan Bội Châu thấy không có tác dụng nên đưa học sinh về nước
D. Chính phủ Nhật Bản câu kết với thực dân Pháp ở Đông Dương, trục xuất số lưu học sinh Việt Nam, kể cả Phan Bội Châu

Câu 146. Năm 1912, Phan Bội Châu thành lập Việt Nam Quang phục hội ở Quảng Châu (Trung Quốc) nhằm mục đích gì?

- A. Tập hợp các lực lượng yêu nước của Việt Nam đang hoạt động ở Trung Quốc
B. Chuẩn bị lực lượng để tiến hành bạo động giành độc lập
C. Đào tạo đội ngũ cán bộ, đưa về nước hoạt động
D. Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam

Câu 147. Nội dung nào thể hiện đường lối cứu nước của Phan Châu Trinh?

- A. Tiến hành chống Pháp và phong kiến dựa vào tầng lớp nhân dân, giành độc lập dân tộc
B. Tiến hành cải cách nâng cao dân trí, dân quyền, dựa vào Pháp đánh đổ ngôi vua và bọn phong kiến hủ bại, xem đó là điều kiện tiên quyết để giành độc lập
C. Dựa vào Nhật để đánh Pháp giành độc lập dân tộc
D. Tiến hành khởi nghĩa vũ trang, khôi phục độc lập cho nước Việt Nam

Câu 148. Trong lĩnh vực kinh tế, Phan Châu Trinh và nhóm sĩ phu tiến bộ ở Quảng Nam đã chú ý đến hoạt động nào?

- A. Khuyến khích các thương nhân đầu tư sản xuất, buôn bán
B. Cổ động chấn hưng thực nghiệp, lập hội kinh doanh
C. Vận động nhân dân dùng hàng nội hóa, bài trừ hàng ngoại
D. Mở rộng buôn bán trong nước

Câu 149. Một hoạt động độc đáo trong lĩnh vực đời sống của cuộc vận động Duy tân là

- A. Tiến hành cuộc vận động cải cách trang phục và lối sống như cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, lên án những hủ tục phong kiến**
B. Tiến hành cải cách về văn hóa, đưa tư tưởng văn hóa tiến bộ vào đời sống nhân dân
C. Xây dựng nền văn hóa truyền thống dân tộc
D. Khôi phục những tinh hoa văn hóa bị mai một.

Câu 150. Trong cuộc vận động Duy tân, khi tư tưởng duy nhất đi vào quần chúng, vượt qua khuôn khổ ôn hòa, đưa cuộc đấu tranh sang hình thức mới nào?

- A. Phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhân dân
B. Phong trào đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang
C. Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ (1908)
D. Phong trào Đông Kinh nghĩa thực (1907)

Câu 151. Đầu thế kỉ XX, trong nhận thức của các sĩ phu Việt Nam, muốn đất nước phát triển phải đi theo con đường

- A. con đường cải cách của Trung Quốc.
B. con đường Duy tân của Nhật Bản.
C. cách mạng vô sản ở Pháp.
D. con đường Cách mạng tháng Mười Nga.

Câu 152. Những người đi tiên phong trong phong trào yêu nước và cách Việt Nam đầu thế kỉ XX là

- A. Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu.
- B. Nguyễn Ái Quốc, Phan Bội Châu,
- C. Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.**
- D. Nguyễn Ái Quốc, Phan Bội Châu.

Câu 153. Cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỉ XX đã gắn việc đánh đuổi thực dân Pháp với

- A. đánh đuổi phong kiến tay sai.
- B. cải biến xã hội.**
- C. giành độc lập dân tộc.
- D. giải phóng giai cấp nông dân.

Câu 154. Những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Việt Nam đã hấp thụ những thông tin quốc tế thông qua

- A. các nước ở khu vực Đông Nam Á.
- B. các nước như Nhật Bản và Trung Quốc.**
- C. các nước như Anh, Pháp.
- D. các nước ở châu Á như Ấn Độ và Trung Quốc.

Câu 155. Phong trào cải cách chính trị - văn hoá ở Trung Quốc với những nhân vật nào đã có tác động mạnh mẽ đến nước ta những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX?

- A. Tôn Trung Sơn.
- B. Mao Trạch Đông.
- C. Lương Khải Siêu.
- D. Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi.**

Câu 156. Hình thức đấu tranh nào dưới đây gắn với phong trào yêu nước của các sĩ phu Việt Nam đầu thế kỉ XX?

- A. Đấu tranh đơn thuần bằng vũ trang.
- B. Đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị, ngoại giao.**
- C. Đấu tranh chủ yếu bằng hình thức chính trị.
- D. Dùng biện pháp cải cách yêu cầu thực dân Pháp trả độc lập.

Câu 157. Những năm đầu thế kỉ XX, giữa Phan Bội Châu và Hoàng Hoa Thám đã có cam kết như thế nào?

- A. Tổ chức vụ đầu độc của binh lính người Việt trong quân đội Pháp.
- B. Cùng hưởng ứng cuộc vận động giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
- C. Khi nghĩa quân Yên Thế nổi dậy thì Việt Nam Quang phục hội sẽ hưởng ứng.
- D. Khi Trung Kỳ nổi dậy thì nghĩa quân Yên Thế sẽ hưởng ứng, phối hợp hành động.**

Câu 158. Mặc dù bị thất bại, khởi nghĩa Yên Thế thể hiện điều gì?

- A. Khí phách đấu tranh của nhân dân Yên Thế.
- B. Tinh thần yêu nước và ý chí đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta.
- C. Tinh thần yêu nước và sức mạnh tiềm tàng của nông dân Việt Nam.**
- D. Câu A, B, C đều đúng.

Câu 159. Thành phần lãnh đạo phong trào yêu nước, chống Pháp đầu thế kỉ XX là

- A. văn thân, sĩ phu phong kiến yêu nước.**
- B. các sĩ phu yêu nước theo khuynh hướng phong kiến.
- C. tầng lớp Nho học đang trên con đường tư sản hoá.
- D. những nhà yêu nước đã thức tỉnh với thời cuộc.

Câu 160. Phương thức hoạt động theo xu hướng cứu nước đầu thế kỉ XX là

- A. khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

- B. bạo động kết hợp với bất bạo động,
- C. cải cách xã hội và nâng cao dân trí.
- D. vũ trang, tuyên truyền giáo dục, vận động cải cách xã hội, kết hợp lực lượng bên trong và bên ngoài.**

Câu 161. Tổ chức hoạt động của phong trào yêu nước, chống Pháp đầu thế kỉ XX là

- A. theo lề lối phong kiến.
- B. biến đấu tranh giai cấp thành tổ chức chính trị sơ khai.**
- C. tổ chức bạo động và đấu tranh vũ trang.
- D. tổ chức, tập hợp quần chúng diễn thuyết.

Câu 162. Điểm nào dưới đây là điểm giống nhau của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh trong quá trình hoạt động cách mạng của mình?

- A. Điều thực hiện chủ trương dùng bạo lực cách mạng để đánh đuổi thực dân Pháp.
- B. Điều noi theo gương Nhật Bản để tự cường.**
- C. Điều chủ trương thực hiện cải cách dân chủ.
- D. Điều chủ trương gương cao ngạo cờ giải phóng dân tộc.

Câu 163. Đào tạo nhân tài cho đất nước, chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Đó là mục đích của

- A. Đông Kinh nghĩa thực.
- B. phong trào Đông du.**
- C. cuộc vận động Duy tân của Phan Bội Châu.
- D. cuộc vận động Duy tân của Phan Châu Trinh.

Câu 164. Vào đầu thế kỉ XX, sự kiện nào ở bên ngoài càng củng cố niềm tin của những trí thức của thời phong kiến vào con đường cách mạng tư sản?

- A. Cải cách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu ở Trung Quốc.
- B. Cải cách ở Nhật Bản sau Minh Trị Duy tân (1868).
- C. Cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc thắng lợi.**
- D. Cách mạng tư sản Pháp thắng lợi triệt để.

Câu 165. “Nhiệm vụ chủ yếu của Đông Dương là cung cấp cho chính quốc đến mức tối đa nhân lực, vật lực và tài lực ...” là tuyên bố của

- A. Chính phủ Pháp
- B. Toàn quyền Đông Dương**
- C. Chính phủ tay sai ở Đông Dương
- D. Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương

Câu 166. Để phục vụ cho cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp ở Đông Dương đã thực hiện chính sách gì?

- A. Khuyến khích nhân dân ta tích cực sản xuất nông nghiệp để tăng nguồn lương thực
- B. Tăng cường đầu tư sản xuất công nghiệp
- C. Tăng thuế để tăng nguồn thu ngân sách
- D. Bắt nhân dân ta đóng nhiều thứ thuế, mua công trái, đưa lương thực, nông sản, kim loại sang Pháp**

Câu 167. Chính sách của thực dân Pháp ở Đông Dương trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất đã tác động mạnh nhất đến lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế
- B. Văn hóa
- C. Kinh tế - xã hội**
- D. Giáo dục

Câu 168. Nền công nghiệp ở Đông Dương trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất có vai trò như thế nào?

- A. Phải gánh đỡ những tổn thất, thiếu hụt của chính quốc

B. Có vai trò chính trong việc bù đắp những tổn thất, thiếu hụt do chiến tranh của chính quốc

C. Cung cấp các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu của chiến tranh

D. Tránh sự phụ thuộc vào nền công nghiệp chính quốc

Câu 169 Chiến tranh thế giới thứ nhất làm cho việc trao đổi hàng hóa giữa Pháp với Đông Dương thế nào?

A. Hàng hóa nhập khẩu từ Pháp sang Đông Dương giảm

B. Hàng hóa nhập khẩu từ Pháp sang Đông Dương tăng lên

C. Hàng hóa xuất khẩu từ Đông Dương sang Pháp giảm

D. Hàng hóa xuất khẩu từ Đông Dương sang Pháp tăng lên

Câu 170. Yếu tố nào tác động đến tình hình xã hội Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Chính sách về kinh tế, xã hội của Pháp ở Việt Nam

B. Những biến động về kinh tế ở Việt Nam

C. Chính sách của Pháp và những biến động về kinh tế ở Việt Nam

D. Pháp là một bên tham chiến trong Chiến tranh thế giới thứ nhất

Câu 171. Nguyên nhân nào dẫn đến đời sống củ nông dân Việt Nam này càng bần cùng trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất?

A. Pháp chuyển sang độc canh cây công nghiệp phục vụ chiến tranh

B. Không quan tâm phát triển nông nghiệp

C. Nạn bắt lính đưa sang chiến trường châu Âu, nạn chiếm đoạt ruộng đất, sưu cao thuế nặng

D. Hạn hán, lũ lụt diễn ra thường xuyên

Câu 172. Trong bối cảnh đó, tư sản Việt Nam làm gì để có địa vị chính trị nhất định?

A. Tăng cường đẩy mạnh sản xuất kinh doanh

B. Đẩy mạnh buôn bán với tư bản Pháp

C. Lập cơ quan ngôn luận, bênh vực quyền lợi về chính trị và kinh tế cho người trong nước

D. Cử người tham gia bộ máy chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương

Câu 173. Lực lượng chủ chốt của phong trào dân tộc trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. Tư sản dân tộc

B. Tiểu tư sản

C. Công nhân

D. Công nhân và nông dân

Câu 174. Hình thức đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. Đấu tranh chính trị

B. Đấu tranh kinh tế

C. Đấu tranh kinh tế kết hợp với bạo động

D. Bạo động vũ trang

Câu 175. Hình thức đấu tranh kinh tế của công nhân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất là

A. Chống cúp phạt lương

B. Đòi tăng lương

C. Đòi giảm giờ làm

D. Chống làm việc quá 12 giờ trong ngày

Câu 176. Phong trào đấu tranh của công nhân Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất có ý nghĩa gì?

A. Đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân

B. Thể hiện tinh thần đoàn kết, ý thức kỉ luật của giai cấp công nhân

C. Tiếp nối truyền thống yêu nước của dân tộc

D. Khẳng định vị trí, vai trò của công nhân trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc

Câu 177. Đối với các nhà yêu nước tiền bối, Nguyễn Tất Thành có thái độ như thế nào?

A. Khâm phục tinh thần yêu nước của họ

B. Không tán thành con đường cứu nước của họ

C. Khâm phục tinh thần yêu nước, nhưng không tán thành con đường cứu nước của họ

D. Tán thành con đường cứu nước của họ

Câu 178. Bối cảnh lịch sử nào quyết định việc Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước?

A. Thực dân Pháp đặt xong ách thống trị trên đất nước Việt Nam

B. Phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta phát triển mạnh mẽ

C. Các tư tưởng cứu nước mới theo khuynh hướng dân chủ tư sản ảnh hưởng sâu rộng đến nước ta

D. Con đường cứu nước giải phóng dân tộc ở Việt Nam đang bế tắc, chưa có lối thoát

Câu 179. Vì sao Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây tìm đường cứu nước?

A. Vì Pháp là kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta

B. Nơi đặt trụ sở của Quốc tế Cộng sản – tổ chức ủng hộ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc

C. Để tìm hiểu xem nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi trở về giúp đồng bào mình

D. Nơi diễn ra các cuộc cách mạng tư sản nổi tiếng

Câu 180. Điểm đến đầu tiên trong hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành là quốc gia nào?

A. Pháp B. Trung Quốc

C. Nhật Bản D. Liên Xô

Câu 181. Những hoạt động yêu nước đầu tiên của Nguyễn Tất Thành ở Pháp có tác dụng gì?

A. Là cơ sở tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga

B. Làm chuyển biến mạnh mẽ tư tưởng của Người

C. Tuyên truyền và khích lệ tinh thần yêu nước của Việt kiều ở Pháp

D. Là cơ sở quan trọng để Người xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam

Câu 182. Với chính sách cai trị theo kiểu thực dân cũ của Pháp thì mọi quyền hành ở Việt Nam tập trung trong tay

A. Thống sứ người Pháp.

B. Vua quan Nam triều.

C. Chính phủ Pháp.

D. Thống sứ người Pháp và chính quyền Nam triều.

Câu 183. Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đã mở rộng thương thuyết với chính phủ nước nào để phối hợp đàn áp cách mạng Việt Nam?

A. Chính phủ nước Anh.

B. Chính phủ nước Mỹ.

C. Chính phủ nước Trung Quốc.

D. Chính phủ nước Thái Lan.

Câu 184. Chính quyền thực dân đã cố gắng khôi phục, duy trì và mở rộng cơ sở công nghiệp ở Việt Nam để

A. thu được nhiều lợi nhuận phục vụ cho chiến tranh.

B. bù đắp cho công nghiệp chính quốc.

C. có cơ sở đầu tư ngày càng nhiều vào Việt Nam.

D. khai thác tối đa tài nguyên, thiên nhiên ở Việt Nam.

Câu 185. Chính quyền thực dân đã chú trọng phục hồi các ngành công nghiệp nào ở Việt Nam?

A. Công nghiệp nặng.

B. Công nghiệp nhẹ.

C. Công nghiệp phục vụ chiến tranh.

D. Công nghiệp khai khoáng.

Câu 186. Vì sao trong Chiến tranh thế giới thứ nhất sức sản xuất của nông dân ở nông thôn Việt Nam bị giảm sút?

A. Do thực dân Pháp bóc lột nặng nề, nạn đói thường xuyên xảy ra.

B. Do nông dân bị đói khổ, không còn sức sản xuất.

C. Do nông dân bị tước đoạt ruộng đất nên không có đất để sản xuất.

D. Do thực dân Pháp bắt nông dân đi lính đánh thuê cho chúng.

Câu 187. Trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp nào ở Việt Nam tăng nhanh về số lượng?

A. Giai cấp công nhân.

B. Giai cấp nông dân.

C. Giai cấp tư sản dân tộc.

D. Tầng lớp tiểu tư sản.

Câu 188. Các tầng lớp tiểu tư sản thành thị ở Việt Nam trong Chiến tranh thế giới thứ nhất bao gồm những thành phần

A. tiểu chủ, tiểu thương, tiểu nông.

B. học sinh, sinh viên, dân nghèo.

C. tiểu chủ, tiểu thương, công chức, học sinh, sinh viên.

D. trí thức, tiểu thương, tiểu công, tiểu nông, thợ thủ công.

Câu 189. Từ năm 1912 đến năm 1935 diễn ra cuộc nổi dậy của đồng bào dân tộc nào, ở đâu?

A. Đồng bào Thái, ở Tây Bắc.

B. Đồng bào Mông ở Lai Châu.

C. Đồng bào Nùng ở Quảng Bình.

D. Đồng bào Mơ-nông ở Tây Nguyên.

Câu 190. Phong trào Hội kín ở Nam Kỳ trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất phát triển mạnh nhất ở các tỉnh

A. Biên Hoà, Long An, Bến Tre.

B. Bến Tre, Đồng Nai, Châu Đốc.

C. Biên Hoà, Bến Tre, Châu Đốc.

D. Bến Tre, Biên Hoà, Sóc Trăng.

Câu 191. Thành phần tham gia đông đảo nhất trong phong trào Hội kín ở Nam Kỳ là:

A. Nông dân và dân nghèo thành thị.

B. Công nhân và binh lính người Việt

C. Nông dân và công nhân.

D. Công nhân, thợ thủ công và dân nghèo thành thị.

Câu 192. Con đường đi tìm chân lý cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì khác với lớp người đi trước?

A. Đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.

B. Đi sang Châu Mỹ tìm đường cứu nước.

C. Đi sang Châu Phi tìm đường cứu nước.

D. Đi sang phương Đông tìm đường cứu nước.

Câu 193. Chương trình khai thác thuộc địa Việt Nam lần thứ hai của thực dân Pháp diễn ra trong hoàn cảnh nào ?

A. Thực dân Pháp đang gặp nhiều khó khăn, trong khi cuộc chiến tranh thế giới đang bước vào giai đoạn quyết định.

B. Kinh tế ổn định nhưng chính trị bất ổn. Phong trào phản đối chiến tranh, đòi cải thiện điều kiện sống của công nhân và nhân dân lao động Pháp lên cao.

C. Pháp đang lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế nặng nề nhất trong lịch sử - "khủng hoảng thừa".

D. Chiến tranh đã để lại hậu quả rất nặng nề, nền kinh tế Pháp đang gặp khó khăn ; Pháp trở thành con nợ lớn của Mỹ.

Câu 194. Pháp đầu tư vốn vào ngành nào nhiều nhất trong quá trình khai thác thuộc địa lần thứ hai ?

A. Công nghiệp. B. Nông nghiệp.

C. Giao thông vận tải. D. Thương mại.

Câu 195. Cuộc khai thác thuộc địa lần hai của Pháp ở Việt Nam (1919 - 1929) có điểm gì tương đồng so với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ?

A. Pháp chú trọng đầu tư vào ngành khai thác mỏ.

B. Pháp không đầu tư nhiều vào các ngành công nghiệp nặng.

C. Đẩy mạnh hoạt động thương mại xuất - nhập khẩu.

D. Pháp không đầu tư nhiều vào xây dựng cơ sở hạ tầng.

Câu 196. Điểm nổi bật nền kinh tế Việt Nam trong thời kì khai thác thuộc địa lần hai của thực dân Pháp là:

A. Kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ, toàn diện.

B. Một nền kinh tế thuần nông.

C. Một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, què quặt, lệ thuộc.

D. Một nền kinh tế công – nông nghiệp khá phát triển.

Câu 197. Chính sách giáo dục của Pháp trong thời kì 1919 - 1929 ?

A. Tiếp tục duy trì nền giáo dục Nho học lạc hậu.

B. Mở rộng hai hệ thống trường Tây học và Nho học.

C. Không thay đổi gì so với cuộc khai thác lần thứ nhất.

D. Mở rộng hơn hệ thống trường Tây học.

Câu 198. Ngôn ngữ nào được sử dụng trong các trường Pháp - Việt ?

A. Tiếng Việt.

B. Tiếng Pháp.

C. Tiếng Việt và tiếng Pháp.

D. Tùy sự lựa chọn của học sinh.

Câu 199. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng phát triển chậm chạp của giai cấp tư sản Việt Nam ?

A. Bị Pháp chèn ép.

B. Bị thương nhân Hoa kiều cạnh tranh triệt để.

C. Sự cản trở của quan hệ sản xuất phong kiến ở trong nước.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 200. Chính sách thương mại của thực dân Pháp trong thời kì khai thác thuộc địa lần thứ hai là :

- A. Cho tự do kinh doanh buôn bán.
- B. Tạo điều kiện cho thương nhân Hoa kiều, Pháp buôn bán.
- C. Bảo hộ thuế quan cho hàng hoá Pháp.**
- D. Tạo điều kiện cho thương nhân người Việt, Pháp buôn bán.

Câu 201. Đánh giá như thế nào về giai cấp địa chủ Việt Nam ?

- A. Là giai cấp đầu hàng, tay sai của thực dân Pháp.
- B. Là giai cấp bóc lột của chế độ phong kiến, hoàn toàn không có thế lực chính trị.
- C. Là một giai cấp có thế lực kinh tế độc lập với Pháp, có tinh thần dân tộc cao.
- D. Một bộ phận của giai cấp này là tay sai của thực dân. Một bộ phận có tinh thần dân tộc chống Pháp.**

Câu 202. Đặc điểm của giai cấp tư sản Việt Nam là :

- A. Giai cấp tư sản Việt Nam ra đời sau giai cấp vô sản.**
- B. Giai cấp tư sản Việt Nam có quyền lợi kinh tế - chính trị gắn bó với thế lực thực dân.
- C. Giai cấp tư sản Việt Nam từ khi mới ra đời đã là chỗ dựa cho chính quyền thuộc địa.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 203. Vì sao nói giai cấp nông dân là một lực lượng cách mạng to lớn của dân tộc ?

- A. Đây là một giai cấp có đủ khả năng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta.
- B. Đây là một giai cấp có số lượng đông, có tinh thần cách mạng triệt để.**
- C. Đây là giai cấp rất nhạy cảm chính trị, hăng hái với công cuộc canh tân đất nước.
- D. Đây là lực lượng lao động chính, tạo ra mọi giá trị vật chất cho xã hội.

Câu 204. Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Việt Nam (1919 – 1929) là:

- A. Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến.
- B. Mâu thuẫn giữa công nhân, nông dân với tư sản.
- C. Mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam với giai cấp tư sản.
- D. Mâu thuẫn giữa toàn thể nhân dân Việt Nam với đế quốc, tay sai.**

Câu 205. Đối tượng chủ yếu cách mạng Việt Nam cần đánh đổ là :

- A. Địa chủ, tư sản.
- B. Tư sản, đế quốc.
- C. Đế quốc, địa chủ.
- D. Đế quốc, tay sai.**

Câu 206. Điền từ còn thiếu trong câu nói sau của Nguyễn Ái Quốc: "Muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng ..."

- A. Của bản thân mình.**
- B. Của nhân dân thế giới.
- C. Của quốc tế cộng sản.
- D. Của nhân dân các nước chính quốc.

Câu 207. Năm 1920, có sự chuyển đổi nào trong lập trường tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc?

- A. Tư tưởng dân chủ tư sản ⇒ tư tưởng vô sản.
- B. Tư tưởng vô sản ⇒ dân tộc chủ nghĩa.
- C. Lập trường dân tộc chủ nghĩa ⇒ tư tưởng dân chủ tư sản.
- D. Lập trường dân tộc chủ nghĩa ⇒ cách mạng vô sản.**

Câu 208. Giai cấp nào mới ra đời từ chương trình khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp sau Chiến tranh thế giới thứ nhất (1919 - 1929)?

- A. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc.

B. Công nhân, tiểu tư sản, tư sản dân tộc.

C. Công nhân, tư sản dân tộc, địa chủ phong kiến.

D. Công nhân, nông dân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản, địa chủ phong kiến.

Câu 209. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, ngoài thực dân Pháp, còn có giai cấp nào trở thành đối tượng của cách mạng Việt Nam?

A. Giai cấp nông dân.

B. Giai cấp công nhân.

C. Giai cấp đại địa chủ phong kiến.

D. Giai cấp tư sản dân tộc.

Câu 210. Giai cấp nào có số lượng tăng nhanh nhất trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai?

A. Nông dân. B. Tư sản dân tộc.

C. Địa chủ. **D. Công nhân.**

Câu 211. Phong trào "vô sản hoá" do tổ chức nào phát động ?

A. Việt Nam Cách mạng đảng.

B. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.

C. Việt Nam Quốc dân đảng.

D. Tân Việt Cách mạng đảng.

Câu 212. Tài liệu trình bày vấn đề cơ bản, cốt lõi của lý luận giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản của Nguyễn Ái Quốc được in năm 1927 là:

A. Bản án chế độ thực dân Pháp.

B. Đường Kách mệnh.

C. Chính cương vắn tắt, sách lược vắn tắt.

D. Báo Người cùng khổ.

Câu 213. Tác dụng của phong trào "vô sản hoá":

A. Nâng cao tính "tự giác" trong phong trào quần chúng.

B. Thúc đẩy quá trình kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

C. Rèn luyện đội ngũ cán bộ đảng viên.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 214. Câu nói : "Âu là chết đi để trở thành tám gương chọi người sau mỗi bước. Không thành công thì cũng thành nhân" là của ai ?

A. Phó Đức Chính.

B. Nguyễn Thái Học.

C. Phạm Tuấn Tài.

D. Nguyễn Khắc Nhu.

Câu 215. Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên?

A. Báo Búa liềm.

B. Báo Thanh niên.

C. Báo Tranh đấu.

D. Báo Hồn cách mạng.

Câu 216. Chi bộ cộng sản đầu tiên được thành lập ở đâu, có bao nhiêu đảng viên ?

A. Nhà số 5D phố Hàm Long (Hà Nội), 6 đảng viên.

B. Nhà số 48 phố Hàng Ngang (Hà Nội), 7 đảng viên.

C. Nhà số 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội), 8 đảng viên.

D. Nhà số 5D phố Hàm Long (Hà Nội), 7 đảng viên.

Câu 217. Sự ra đời của 3 tổ chức Cộng sản ở Việt Nam năm 1929 đã khẳng định điều gì ?

- A. Hệ tư tưởng cộng sản đã giành được ưu thế trong phong trào dân tộc Việt Nam.
- B. Những điều kiện để thành lập Đảng Cộng sản đã hoàn toàn chín muồi trên phạm vi cả nước.
- C. Sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân Việt Nam.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 218. Thành phần chủ yếu của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên trong thời kì đầu mới thành lập?

- A. Công nhân.
- B. Nông dân.
- C. Tư sản dân tộc.

D. Trí thức tiểu tư sản.

Câu 219. Ý nghĩa của Hội nghị hợp nhất 3 tổ chức cộng sản ở Việt Nam (1930) là:

A. Hội nghị mang tầm vóc là một đại hội thành lập Đảng.

- B. Hội nghị đánh dấu sự thống nhất 3 tổ chức cộng sản đã hoàn thành trên thực tế.
- C. Hội nghị khẳng định giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, hoàn toàn đủ năng lực lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 220. Sự kiện nào đánh dấu phong trào công nhân Việt Nam đã trở thành “tự giác hoàn toàn” ?

- A. Thành lập Công hội.
- B. Đấu tranh của công nhân Ba Son.
- C. Phong trào vô sản hóa.

D. Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập.

Câu 221. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam gồm có những văn kiện nào ?

- A. Luận cương, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng.
- B. Chính cương vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Lời kêu gọi quốc dân.
- C. Luận cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ, Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng.
- D. Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Điều lệ vắn tắt, Lời kêu gọi nhân dịp thành lập Đảng.**

Câu 222. Ai là người nằm trong Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng Cộng sản Việt Nam ?

- A. Nguyễn Đức Cảnh.
- B. Trịnh Đình Cửu.**
- C. Đỗ Ngọc Du.
- D. Châu Văn Liêm.

Câu 223. Ngày 3/2 chính thức trở thành ngày kỉ niệm thành lập Đảng từ khi nào ?

- A. 1935.
- B. 1945.
- C. 1954.
- D. 1960.**

Câu 224. Sau khi 3 tổ chức cộng sản ra đời năm 1929, tình hình cách mạng Việt Nam như thế nào ?

A. Đứng trước nguy cơ chia rẽ về tổ chức, lực lượng.

- B. Cuộc đấu tranh để lựa chọn con đường cách mạng tư sản hay vô sản tiếp diễn phức tạp hơn trước.
- C. Quần chúng hoang mang, dao động, không tin tưởng vào cách mạng vô sản.
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 225. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam là gì ?

- A. Đánh đổ đế quốc Pháp, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập.
- B. Đánh đổ vua quan phong kiến, tư sản phản cách mạng.
- C. Thành lập chính phủ công nông binh chính phủ công nông, quân đội công nông, tiến hành cách mạng thổ địa.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 226. Tại Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản, có sự tham gia của các tổ chức cộng sản nào?

A. Đông Dương cộng sản Đảng, An Nam cộng sản Đảng.

B. Đông Dương cộng sản Đảng, An Nam cộng sản Đảng. Đông Dương cộng sản Liên đoàn.

C. Đông Dương cộng sản Đảng, Đông Dương cộng sản Liên đoàn.

D. An Nam cộng sản Đảng Đông Dương cộng sản Liên đoàn.

Câu 227. Con đường cách mạng Việt Nam được xác định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên do đồng chí Nguyễn Ai Quốc khởi thảo, đó là:

A. Làm cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để tiến lên chủ nghĩa cộng sản.

B. Thực hiện cách mạng ruộng đất cho triệt để.

C. Tịch thu hết sản nghiệp của bọn đế quốc.

D. Đánh đổ địa chủ phong kiến, làm cách mạng thổ địa sau đó làm cách mạng dân tộc.

Câu 228. Mâu thuẫn cơ bản trong xã Hội Việt Nam trong thời kì khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933)?

A. Vô sản với tư sản.

B. Vô sản với tư sản, nông dân với địa chủ phong kiến.

C. Nhân dân Việt Nam với thực dân Pháp, vô sản với tư sản.

D. Dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp, nông dân với địa chủ phong kiến.

Câu 229. Sự khác biệt giữa phong trào nông dân Nghệ - Tĩnh với phong trào đấu tranh cả nước trong năm 1930 ?

A. Những cuộc biểu tình của nông dân chỉ đặt ra mục tiêu cải thiện đời sống.

B. Nông dân đấu tranh chưa có khẩu hiệu cụ thể.

C. Nông dân đấu tranh bằng lực lượng chính trị.

D. Những cuộc đấu tranh của nông dân có vũ trang tự vệ.

Câu 230. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 đã ?

A. Lật đổ ách thống trị của đế quốc – phong kiến trên toàn Nghệ - Tĩnh.

B. Đảng đã tập hợp được nhân dân trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi.

C. Bước đầu giải quyết được yêu cầu ruộng đất của nông dân.

D. Liên minh công nông đã hình thành.

Câu 231. Chiến tranh thế giới thứ II bùng nổ đã có tác động như thế nào đến tình hình Việt Nam ?

A. Các thế lực phản động trong nước đẩy mạnh chính sách khủng bố, đàn áp các phong trào đấu tranh dân chủ dân sinh.

B. Việt Nam bị lôi kéo vào cuộc chiến tranh phục vụ lợi ích cho thực dân Pháp.

C. Chính quyền thuộc địa đẩy mạnh chính sách bóc lột, vơ vét sức người, sức của.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 232. Nét nổi bật của tình hình Việt Nam từ sau tháng 9/1940 là gì?

A. Việt Nam là thuộc địa của Pháp.

B. Việt Nam bị đặt dưới ách thống trị của Nhật - Pháp.

C. Pháp đã bị Nhật hất cẳng để độc chiếm Việt Nam.

D. Nhật đã ép Pháp kí nhiều điều ước chấp nhận Nhật có những đặc quyền ở Việt Nam.

Câu 233. Tình hình Việt Nam từ sau tháng 3/1945 có chuyển biến quan trọng gì ?

A. Pháp thiết lập trở lại nền thống trị trên toàn Việt Nam.

B. Vai trò thống trị của Pháp ở Việt Nam hoàn toàn bị thủ tiêu.

C. Cách mạng Việt Nam chuyển sang thời kì đấu tranh mới : chống chiến tranh đế quốc.

D. Nhân dân Việt Nam chịu cảnh áp bức thống trị tàn bạo của phát xít Pháp - Nhật.

Câu 234. Chính sách nào của Nhật - Pháp đã đẩy nông dân Việt Nam vào nạn đói lớn năm 1945 ?

- A. Chính sách "Thu thóc tạ".
- B. Nhỏ lúa trồng đay.
- C. Cướp ruộng đất, cưỡng bức mua lương thực với giá rẻ mạt.
- D. Tất cả các ý trên.**

Câu 235. Năm 1939, ai là người giữ chức Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương ?

- A. Phan Đăng Lưu.
- B. Lê Hồng Phong.
- C. Hà Huy Tập.

D. Nguyễn Văn Cừ.

Câu 236. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 6 đã khẳng định vấn đề gì?

- A. Cách mạng Việt Nam phải chuyển sang thời kì đấu tranh vũ trang chống đế quốc.
- B. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam phải tập trung chống phong kiến, giải quyết vấn đề ruộng đất cho dân cày.
- C. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng là phải tập trung chống đế quốc, thực hiện ruộng đất cho dân cày.

D. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng là phải đấu tranh lật đổ đế quốc và tay sai, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

Câu 237. Cờ đỏ sao vàng do ai vẽ mẫu, lần đầu tiên xuất hiện ở đâu ?

- A. Nguyễn Văn Tiến ; khởi nghĩa Thái Nguyên.

B. Nguyễn Hữu Tiến ; khởi nghĩa Nam Kỳ.

- C. Nguyễn Hữu Định; khởi nghĩa Bắc Sơn.
- D. Nguyễn Hữu Đang ; khởi nghĩa Đô Lương.

Câu 238. Nhật đã thi hành các chính sách gì ở Việt Nam trong những năm 1940 - 1945 ?

A. Đầu tư vào các ngành phục vụ cho nhu cầu quân sự; buộc Pháp phải cung cấp các nguyên liệu như than, sắt, cao su, thóc gạo cho chúng với giá rẻ.

- B. Thực hiện chính sách Tổng động viên vợ vệt tiền, của, con người, phục vụ nhu cầu cho cuộc chiến tranh phát xít.

C. Thực hiện chính sách "Kinh tế chỉ huy", vợ vệt tiền của, tài nguyên của đất nước ta phục vụ cho chiến tranh đế quốc.

D. Thực hiện chính sách "Kinh tế thời chiến", ban hành lệnh Tổng động viên, bắt lính ráo riết.

Câu 239. Tất cả các tổ chức đoàn thể trong Mặt trận Việt Minh đều có tên gọi chung là gì?

- A. Đều được gọi là Hội Phản đế.
- B. Đều được gọi là Hội Cứu tế.
- C. Đều được gọi là Hội Ái hữu.

D. Đều được gọi là Hội Cứu quốc.

Câu 240. Căn cứ địa cách mạng đầu tiên được xây dựng ở đâu ?

A. Bắc Sơn - Võ Nhai.

- B. Pắc Bó.
- C. Tân Trào.
- D. Vũ Lăng.

Câu 241. Sự kiện ngày 9/3/1945 có ảnh hưởng như thế nào đến cách mạng Việt Nam ?

A. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam là chống đế quốc, tay sai giành độc lập dân tộc.

B. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam là tập trung lực lượng đánh đổ nền thống trị của phát xít Nhật.

C. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam là tập trung lực lượng đánh đổ nền thống trị của bọn phát xít Nhật - Pháp.

D. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng Việt Nam là tập trung lực lượng đánh đổ nền thống trị của bọn phản động thuộc địa Pháp, lực lượng tay sai.

Câu 242. Trong chỉ thị ngày 12/3/1945, Đảng đưa ra khẩu hiệu gì ?

A. "Đánh đuổi Pháp - Nhật".

B. "Đánh đuổi phát xít Nhật".

C. "Đánh đuổi đế quốc Pháp".

D. "Đánh đuổi bọn đế quốc, Việt gian".

Câu 243. Năm 1945, Việt Nam giải phóng quân được thành lập dựa trên lực lượng ban đầu nào?

A. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Đội du kích Ba Tơ.

B. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Đội Cứu quốc quân II.

C. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Đội Cứu quốc quân III.

D. Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân và đội Việt Nam Cứu quốc quân.

Câu 244. Ai là Đội trưởng đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân ?

A. Võ Nguyên Giáp.

B. Xích Thắng.

C. Hoàng Sâm.

D. Nguyễn Hữu Kì.

Câu 245. Cờ đỏ sao vàng năm cánh chính thức trở thành Quốc kì của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vào khi nào ?

A. Ngày 2/9/1945.

B. Ngày 19/8/1945.

C. Ngày 17/8/1945.

D. Ngày 25/8/1945.

Câu 246. Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được cải tổ từ tổ chức nào ?

A. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc.

B. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.

C. Tổng bộ Việt Minh.

D. Ủy ban lâm thời khu giải phóng Việt Bắc.

Câu 247. Địa phương nào giành được chính quyền muộn nhất trong cả nước ?

A. Bắc Ninh. B. Bạc Liêu.

C. Hà Tiên. D. An Giang.

Câu 248. Chế độ phong kiến Việt Nam kết thúc khi nào?

A. Ngày 2/9/1945.

B. Ngày 23/8/1945.

C. Ngày 25/8/1945.

D. Ngày 30/8/1945.

Câu 249. Bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà được Hồ Chí Minh viết ở đâu?

A. Nhà số 5D, phố Hàm Long.

B. Nhà số 43, phố Hàng Ngang.

- C. Nhà số 45, phố Lý Thái Tổ.
- D. Nhà số 5, phố Đinh Tiên Hoàng.

Câu 250. Khởi nghĩa giành chính quyền ở Sài Gòn diễn ra vào thời điểm nào ?

- A. Ngày 23/8/1945.
- B. Ngày 25/8/1945.**
- C. Ngày 22/8/1945.
- D. Ngày 24/8/1945.

Câu 251. Tổng khởi nghĩa diễn ra trong khoảng nào ?

- A. 14/8 – 25/8/1945.
- B. 14/8 – 28/8/1945.**
- C. 5/8 – 2/9/1945.
- D. 16/8 – 28/8/1945.

Câu 252. Trong bản tuyên ngôn độc lập, Hồ Chí Minh đã khẳng định kẻ thù cụ thể trước mắt của cách mạng Việt Nam là ai?

- A. Nhật
- B. Nhật - Pháp
- C. Pháp**
- D. Quân đội Tưởng Giới Thạch

Câu 253. Trình bày xuất xứ của đoạn văn sau đây: "Trong lúc này quyền lợi dân tộc giải phóng cao hơn hết thảy. Chúng ta hãy đoàn kết lại đánh đổ bọn đế quốc và bọn Việt gian đặng cứu giống nòi ra khỏi nước sôi, lửa nóng".

- A. Trong thư của Nguyễn Ái Quốc gửi đồng bào cả nước.
- B. Trong Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ VIII.
- C. Trong lời hịch của Mặt trận Việt Minh.
- D. Trong Quân lệnh số 1 của Mặt trận Việt Minh.**

Câu 254. Phương pháp đấu tranh cơ bản trong Cách mạng tháng Tám 1945 là gì?

- A. Đấu tranh vũ trang.
- B. Đấu tranh bạo lực cách mạng.**
- C. Đấu tranh chính trị.
- D. Đấu tranh ngoại giao.

Câu 255. Vì sao nói cuộc Tổng tuyển cử tháng 1 - 1946 là cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh chính trị gay go, quyết liệt ?

- A. Vì lúc đó nhân dân ta hầu hết mù chữ nên việc thực hiện quyền công dân rất khó khăn.
- B. Vì lúc đó Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gặp rất nhiều khó khăn về kinh tế - tài chính, một nửa nước đã có chiến tranh.
- C. Vì cuộc Tổng tuyển cử diễn ra trong điều kiện các thế lực đế quốc, tay sai ráo riết chống phá chính quyền cách mạng, chống lại độc lập tự do của dân tộc ta.**
- D. Tất cả các ý trên.

Câu 256. Bầu cử Quốc hội khoá I được tiến hành trong thời gian nào ? Có bao nhiêu đại biểu được bầu vào Quốc hội ?

- A. 6/ 1/1946, 233 đại biểu.
- B. 1/6/1946, 290 đại biểu.
- C. 6/1/1946, 333 đại biểu.**
- D. 16/1/1946, 280 đại biểu.

Câu 257. Theo Hiệp định Sơ bộ ngày 6/3/1946, có bao nhiêu quân Pháp sẽ ra Bắc và đóng quân trong thời gian bao lâu ?

- A. 15.000 quân , 5 năm.**
- B. 150.000 quân, 8 năm.

C. 1.500 quân, 6 năm.

D. 150.000 quân, 3 năm.

Câu 258. Điều nào sau đây có trong với nội dung Hiệp định Sơ bộ (6 - 3 - 1946) ?

A. Việt Nam là một quốc gia độc lập trong khối Liên hợp Pháp.

B. Việt Nam là một quốc gia tự trị trong khối Liên hợp Pháp.

C. Việt Nam là một quốc gia tự do trong khối Liên hợp Pháp.

D. Việt Nam là một quốc gia tự chủ trong khối Liên hợp Pháp.

Câu 259. Một chế độ chính trị vững mạnh phải được xây dựng toàn diện trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, quân sự thực sự là nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đó là mục đích của:

A. 10 chính sách của Việt Minh nhằm đem lại quyền lợi cho nhân dân.

B. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám 1945.

C. Tuyên ngôn độc lập 2 - 9 - 1945.

D. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I (6 - 1 - 1946).

Câu 260. Kẻ thù nào dọn đường tiếp tay cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta?

A. Bọn Việt quốc, Việt cách.

B. Đế quốc Anh.

C. Các lực lượng phản cách mạng trong nước.

D. Quân Nhật đang còn tại Việt Nam.

Câu 261. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lược nước ta mở đầu là cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở

A. Sài Gòn - Chợ Lớn.

B. Nam Bộ.

C. Trung Bộ.

D. Bến Tre.

Câu 262. Một trong những khẩu hiệu được đưa ra khi cuộc kháng chiến chống Pháp quay lại xâm lược đã bùng nổ trên quy mô cả nước ?

A. "Tiêu thổ kháng chiến".

B. "Không một tấc đất bỏ hoang".

C. "Bảo vệ mùa màng để chiến thắng".

D. "Đoàn kết chống xâm lăng".

Câu 263. Vì sao trong thư gửi đồng bào Nam Bộ trước ngày đi Pháp dự cuộc Hội nghị Phông-ten-nơ-blô, Bác Hồ viết : "Đồng bào cả nước phải nhớ ơn đồng bào Nam Bộ" ?

A. Vì đồng bào Nam Bộ đã góp gạo, gửi ra Miền Bắc góp phần quan trọng vào việc giải quyết nạn đói năm 1945.

B. Vì sự đóng góp công sức, tiền của của Nam Bộ trong những ngày đầu xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

C. Vì nhân dân Nam bộ đã tiến hành cuộc kháng chiến chống Anh - Pháp làm cho Quân đội Anh phải rút khỏi Nam Bộ.

D. Vì cuộc chiến đấu của đồng bào Nam bộ đã làm chậm kế hoạch xâm lược của Pháp, tạo điều kiện cho cả nước có thời gian chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

Câu 264. Trong quá trình kháng chiến chống Pháp 1947 - 1950, Chính phủ ta đã tiến hành các biện pháp gì để giải quyết nhiệm vụ dân chủ ?

A. Ban hành sắc lệnh giảm tô 25%.

B. Sắc lệnh hoãn nợ, xóa nợ của nông dân với địa chủ.

C. Tạm cấp ruộng đất vắng chủ, đất bỏ hoang cho nông dân.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 265. Âm mưu của Pháp khi tấn công lên Việt Bắc tháng 10/1947?

A. Tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, triệt phá kinh tế, kho tàng, quân chủ lực của ta ; giành thắng lợi quân sự, xúc tiến âm mưu thành lập chính phủ bù nhìn.

B. Triệt phá kinh tế, kho tàng, quân chủ lực của ta, buộc ta phải đàm phán theo hướng có lợi cho chúng.

C. G giành thắng lợi quân sự để xúc tiến âm mưu thành lập chính phủ bù nhìn ; chặn đứng tham vọng của các đế quốc khác ở Đông Dương.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 266. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến vào thời điểm nào ?

A. Sáng 19 – 12 - 1946.

B. Trưa 19 - 12 -1946.

C. Chiều 19 – 12 - 1946.

D. Tối 19 - 12 -1946.

Câu 267. Bước sang năm 1953, thái độ của Pháp về cuộc chiến tranh ở Đông Dương có thay đổi gì ?

A. Muốn kết thúc nhanh cuộc chiến tranh.

B. Muốn trì hoãn việc đàm phán hoà bình.

C. Muốn rút ra cuộc chiến tranh trong danh dự.

D. Muốn kéo dài cuộc Chiến tranh.

Câu 268. Khó khăn lớn nhất của quân Pháp trên chiến trường Đông Dương từ năm 1953 ?

A. Thiếu hẳn một lực lượng cơ động mạnh để đối phó với các cuộc tiến công mới của quân ta.

B. Cuộc chiến tranh của Pháp không được Mỹ ủng hộ.

C. Thiếu một vị chỉ huy giỏi, trung thành với lợi ích của nước Pháp.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 269. Phương hướng chiến lược của ta trong Đông Xuân 1953 - 1954 ?

A. Đánh về đồng bằng, nơi Pháp tập trung binh lực để chiếm giữ.

B. Đánh vào các căn cứ của Pháp vùng rừng núi, nơi quân ta có thể phát huy ưu thế tác chiến.

C. Đánh vào những hướng quan trọng về chiến lược mà địch tương đối yếu.

D. Đánh vào những vị trí chiến lược mà địch tương đối yếu ở Việt Nam.

Câu 270. Ý nghĩa của cuộc Tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 – 1954?

A. Đánh dấu sự sụp đổ bước đầu của Kế hoạch Nava.

B. Khẳng định phương châm chỉ đạo của Đảng ta trong Đông - Xuân 1953 - 1954 là sáng suốt, đúng đắn.

C. Tạo điều kiện thuận lợi cho mặt trận Điện Biên Phủ.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 271. Ý nghĩa của chiến thắng Điện Biên Phủ ?

A. Là chiến thắng quân sự vang dội nhất của dân tộc ta trong lịch sử kháng chiến chống quân xâm lăng, bảo vệ Tổ quốc của dân tộc.

B. Là một sự kiện quan trọng đánh dấu sự thất bại của chính sách can thiệp hòng kéo dài và mở rộng chiến tranh của Mỹ.

C. Chiến thắng này đã có tác động lớn, tạo điều kiện cho cuộc đấu tranh của phái đoàn Việt Nam tại hội nghị Pari.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 272. Vì sao đến năm 1953, ta mới mở mặt trận ngoại giao, mở ra khi khả năng giải quyết bằng con đường hoà bình cho cuộc chiến tranh ở Đông Dương ?

A. Vì đây là thời điểm thuận lợi, quân ta đã giành và phát huy thế chủ động trên chiến trường.

B. Vì Pháp đã sa lầy chiến tranh và đã có xu hướng chấp nhận một giải pháp hoà bình để "rút lui trong danh dự".

C. Vì dư luận quốc tế cũng ủng hộ việc tiến hành đàm phán, kết thúc chiến tranh ở Đông Dương.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 273. Quyền dân tộc cơ bản được ghi nhận trong nội dung Hiệp định Giơ-ne-vơ là gì ?

A. Quyền tự chủ, dân tộc tự quyết, toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

B. Độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ Việt Nam.

C. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

D. Độc lập, thống nhất, quyền lựa chọn con đường phát triển phù hợp với nguyện vọng của dân tộc.

Câu 274. Quyền dân tộc cơ bản được ghi nhận trong nội dung Hiệp định Giơ-ne-vơ là gì ?

A. Quyền tự chủ, dân tộc tự quyết, toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

B. Độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ Việt Nam.

C. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam.

D. Độc lập, thống nhất, quyền lựa chọn con đường phát triển phù hợp với nguyện vọng của dân tộc.

Câu 275. Hội nghị Giơ-ne-vơ bàn về chiến tranh ở Đông Dương đã diễn ra trong khoảng thời gian nào?

A. 26/4/1954 đến 21/7/1954

B. 1/5/1954 đến 21/7/1954

C. 8/5/1954 đến 21/7/1954

D. 7/5/1954 đến 21/7/1954

Câu 276. Kết quả lớn nhất của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954?

A. Làm thất bại hoàn toàn âm mưu kéo dài chiến tranh của Pháp - Mĩ.

B. Tiêu diệt và bắt sống 16200 tên địch, hạ 62 máy bay, thu nhiều phương tiện chiến tranh hiện đại khác của Pháp và Mĩ.

C. Giải phóng 4000 km đất đai và 40 vạn dân.

D. Đập tan hoàn toàn kế hoạch Na-va, làm xoay chuyển cục diện chiến tranh, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc đấu tranh ngoại giao.

Câu 277. Ý nghĩa cơ bản nhất của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ 1954 là

A. Thắng lợi lớn nhất, oanh liệt nhất tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu anh hùng, bất khuất của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mĩ.

B. Được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, một Chi Lăng, một Đống Đa của thế kỉ XX.

C. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

D. Có vũ các dân tộc bị áp bức đứng lên tự đấu tranh giải phóng mình.

Câu 278. Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1954)?

A. Sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với đường lối chính trị, quân sự, kháng chiến đúng đắn.

B. Truyền thống yêu nước, anh hùng bất khuất của dân tộc.

- C. Có hậu phương vững chắc và khối đoàn kết toàn dân.
- D. Tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân 3 nước Đông Dương và sự ủng hộ của nhân dân tiến bộ thế giới.

Câu 279. Trong thời kì khôi phục kinh tế, ta đã đạt được những thành tựu gì ?

- A. Năm 1957, ta đã giải quyết được nạn đói kinh niên ở Miền Bắc.
- B. Năm 1957, ta đã phục hồi và xây mới 97 xí nghiệp, nhà máy lớn do nhà nước quản lí trên toàn Miền Bắc.
- C. Năm 1957, ta đã đặt quan hệ buôn bán với 27 nước.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 280. Hiểu như thế nào về chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ ?

- A. Đây là một hình thức mới của chủ nghĩa thực dân cũ, dựa trên nền tảng lực lượng quân nguy, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ, bằng phương tiện chiến tranh Mĩ.
- B. Đây là một hình thức chiến tranh của chủ nghĩa thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội viễn chinh Mĩ và quân chư hầu.

C. Đây là một hình thức chiến tranh của chủ nghĩa thực dân cũ, được tiến hành bằng Quân đội lính đánh thuê, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ, phương tiện chiến tranh Mĩ.

D. Đây là một hình thức chiến tranh của chủ nghĩa thực dân mới, được tiến hành bằng quân đội tay sai, dưới sự chỉ huy của cố vấn Mĩ, bằng phương tiện chiến tranh Mĩ.

Câu 281. Hiểu như thế nào về ấp chiến lược ?

A. Ấp chiến lược là nơi tập trung quản lí hoạt động kinh tế của nhân dân miền Nam.

B. Ấp chiến lược là một loại trại tập trung trá hình được dựng lên để kiểm soát, kìm kẹp nhân dân, thực hiện "tát nước bắt cá", đánh phá tận gốc phong trào đấu tranh cách mạng miền Nam.

C. Ấp chiến lược là một mô hình xây dựng kinh tế - xã hội do Mĩ trực tiếp quản lí ở vùng đô thị miền Nam.

D. Ấp chiến lược là một chính sách nhằm cướp lại ruộng đất của nhân dân ta, tạo điều kiện cho các thế lực địa chủ - tư sản hoá ở miền Nam phát triển làm chỗ dựa xã hội cho chính quyền Diệm.

Câu 282. Biện pháp nào không được Mĩ - Diệm áp dụng trong quá trình thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" ?

A. Tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại bằng hải quân và không quân ra miền Bắc.

B. Trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại, phổ biến chiến thuật "trục thẳng vận", "thiết xa vận" cho quân nguy.

C. Tiến hành các cuộc hành quân càn quét quy mô lớn vào các căn cứ cách mạng.

D. Tăng cường viện trợ quân sự cho chính quyền Diệm, xây dựng và phát triển lực lượng nguy quân đồng, hiện đại.

Câu 283. Tại sao Đảng ta đưa chủ trương binh vận là một trong "ba mũi giáp công" để chống lại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mĩ?

A. Vì cuộc kháng chiến của dân tộc ta là cuộc chiến đấu không cân sức giữa một đế quốc hùng mạnh và một nước nhược tiểu.

B. Vì cuộc kháng chiến của dân tộc ta là một cuộc kháng chiến chống lại chủ nghĩa thực dân mới, phải tích cực binh vận để làm tan rã, sụp đổ nguy quân, nguy quyền - chỗ dựa của chiến lược "Chiến tranh đặc biệt".

C. Vì lực lượng cách mạng miền Nam còn yếu, dùng binh vận là một mũi giáp công để thực hiện phương châm "lấy vũ khí địch để đánh địch".

D. Vì cách mạng miền Nam là đi từ phong trào đấu tranh chính trị tiến lên phát động nhân dân tiến hành cuộc chiến tranh cách mạng, binh vận cũng là một hình thức đấu tranh chính trị có hiệu quả.

Câu 284. Ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Ấp Bắc?

A. Cuộc đọ sức đầu tiên, thắng lợi đầu tiên của lực lượng vũ trang miền Nam với quân viễn chinh Mỹ.

B. Chiến thắng này đã đánh dấu bước trưởng thành của lực lượng vũ trang Miền Nam, đánh dấu sự phá sản bước đầu của chiến thuật "trục thẳng vận", "thiết xa vận" của Mỹ.

C. Là chiến thắng quan trọng, khẳng định quân dân miền Nam có đủ khả năng đánh bại Quân đội Mỹ trên chiến trường miền Nam.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 285. Sự kiện đảo chính lật đổ chính quyền Diệm 1/ 11/1963 chứng tỏ điều gì?

A. Mâu thuẫn trong nội bộ chính quyền Sài Gòn, giữa Mỹ - Diệm ngày càng sâu sắc, không thể dung hoà được.

B. Đánh dấu một thất bại quan trọng của Mỹ trong việc thiết lập một chính quyền tay sai ở Miền Nam.

C. Đảo chính đã chứng tỏ chính quyền Sài Gòn đã lung lay, khủng hoảng sâu sắc.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 286. Cách mạng miền Nam có vai trò như thế nào trong việc đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và tay sai của chúng, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước?

A. Có vai trò quan trọng nhất.

B. Có vai trò cơ bản nhất.

C. Có vai trò quyết định trực tiếp.

D. Có vai trò quyết định nhất.

Câu 287. Đường lối thể hiện sự sáng tạo, độc đáo của Đảng trong thời chống Mỹ cứu nước là:

A. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

B. Tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam.

C. Tiến hành đồng thời cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.

D. Tất cả các đường lối trên.

Câu 288. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ ra đời trong tình hình nào ?

A. Cách mạng Miền Nam phát triển mạnh mẽ, "Chiến tranh đặc biệt" đã bị phá sản về cơ bản.

B. Ngụy quyền Miền Nam đứng trước cuộc khủng hoảng.

C. Trên thế giới, quan hệ Liên Xô - Trung Quốc ngày càng xấu, khối đoàn kết trong phe Xã hội chủ nghĩa đã rạn nứt.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 289. "Chiến tranh cục bộ" khác "Chiến tranh đặc biệt" ở điểm nào ?

A. "Chiến tranh cục bộ" là hình thức chiến tranh của chủ nghĩa thực dân mới.

B. "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành dưới sự chỉ đạo của hệ thống cố vấn Mỹ, bằng phương tiện chiến tranh hiện đại của Mỹ.

C. "Chiến tranh cục bộ" được tiến hành bằng cả quân chủ lực Mỹ, quân chư hầu và cả quân ngụy.

D. Tất cả các ý trên.

290. Sự kiện nào đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến lược "Chiến tranh cục bộ" ?

A. Chiến thắng mùa khô 1965 - 1966.

B. Chiến thắng mùa khô 1966 - 1967.

C. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968.

D. Chiến thắng Plâyme, Đất Cuốc, Bàu Bàng.

Câu 291. Đảng ta quyết định mở cuộc Tổng tiến công lớn và nổi dậy Mậu Thân 1968 trong hoàn cảnh nào ?

A. Quân ta đã giành thắng lợi lớn trên chiến trường, tương quan lực lượng đã thay đổi theo hướng có lợi cho ta.

B. Phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam ở Mĩ lên cao, làm cho mâu thuẫn trong nội bộ Mĩ trước thêm cuộc bầu cử tổng thống càng thêm sâu sắc.

C. Miền Bắc vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ nhưng vẫn đẩy mạnh hoạt động chi viện cho Miền Nam.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 292. Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam được thành lập có ý nghĩa gì ?

A. Khẳng định những thắng lợi to lớn của cách mạng Miền Nam trên lĩnh vực quân sự.

B. Đây là một thắng lợi trong quá trình hoàn chỉnh hệ thống chính quyền cách mạng miền Nam, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của mặt trận đấu tranh ngoại giao.

C. Cách mạng miền Nam đã có đủ cơ sở pháp lí để đấu tranh chống lại chính quyền Sài Gòn trên mặt trận ngoại giao.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 293. Ý nghĩa lịch sử của cuộc tiến công chiến lược năm 1972 ?

A. Đánh dấu sự sụp đổ căn bản của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

B. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến tranh thực dân mới của Mĩ.

C. Đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chiến lược "Việt Nam hoá chiến tranh".

D. Đánh dấu sự tan rã hoàn toàn của quân đội Sài Gòn.

Câu 294. Lập trường của phái đoàn Việt Nam tại Hội nghị Pari ?

A. Mĩ phải rút hết quân Mĩ và quân đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam.

B. Mĩ phải tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam.

C. Mĩ phải tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 295. Ý nghĩa lịch sử của Hiệp định Pari năm 1973 ?

A. Hiệp định đã kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của đế quốc Mĩ.

B. Hiệp định đã khẳng định thắng lợi to lớn của cách mạng ba nước Đông Dương trong cuộc kháng chiến chống Mĩ.

C. Hiệp định đã tạo ra bước ngoặt mới cho cuộc kháng chiến chống MT, cứu nước của dân tộc.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 296 Hiệp định Pari có gì khác so với Hiệp định Giơnevơ ?

A. Hiệp định Giơnevơ là hiệp định về Đông Dương. hiệp định Pari là hiệp định về Việt Nam.

B. Thời hạn rút quân được quy định trong hiệp định Pari ngắn hơn so với hiệp định Giơnevơ.

C. Việc tập kết quân được quy định trong Hiệp định Pari không tập kết thành hai vùng hoàn chỉnh như ở Hiệp định Giơnevơ.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 297. Điểm giống nhau giữa Hiệp định Pari và Hiệp định Giơnevơ?

A. Cả hai hiệp định đều là kết quả thuận tụy của cuộc chiến tranh chính trị, ngoại giao.

B. Cả hai hiệp định đều do các nước lớn chủ động mở để bàn về việc chấm dứt chiến tranh của các nước đế quốc ở Việt Nam.

C. Cả hai hiệp định đều là hiệp định hòa hoãn, là cơ sở pháp lý để ta tiếp tục đấu tranh.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 298. Hiệp định Pari thừa nhận điều gì ?

A. Trong thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 3 quân đội, 3 lực lượng chính trị, 2 vùng kiểm soát.

B. Trong thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 3 lực lượng chính trị, 3 vùng kiểm soát.

C. Trong thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 2 quân đội, 2 lực lượng chính trị, 3 vùng kiểm soát.

D. Trong thực tế miền Nam có 2 chính quyền, 3 quân đội, 3 lực lượng chính trị, 3 vùng kiểm soát.

Câu 299. Tình hình nước ta sau Hiệp định Pari ?

A. Hoà bình đã trở lại trên Miền Bắc.

B. Quân Mĩ và chư hầu đã rút khỏi Miền Nam.

C. So sánh lực lượng ở Miền Nam có lợi cho cách mạng.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 300. Tình hình miền Nam sau Hiệp định Pari năm 1973 ?

A. Quân Mĩ và chư hầu buộc phải rút khỏi Miền Nam, so sánh lực lượng ở Miền Nam thay đổi theo hướng có lợi cho cách mạng.

B. 2 vạn cố vấn quân sự Mĩ vẫn ở lại Miền Nam, Mĩ tiếp tục viện trợ quân sự lớn cho ngụy.

C. Quân ngụy tiến hành các cuộc hành quân "xoá bỏ hình thái da báo"... nên lại một số địa bàn quan trọng chúng ta đã bị mất đất, mất dân.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 301. Tinh thần “Đi nhanh đến, đánh nhanh thắng” và khí thế “thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng”. Đó là tinh thần và khí thế ra quân của dân tộc ta trong?

A. Chiến dịch Tây Nguyên

B. Chiến dịch Huế - Đà Nẵng

C. Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử

D. Tất cả các chiến dịch trên

Câu 302. Từ lúc quân ta được lệnh nổ súng mở đầu cho chiến dịch Hồ Chí Minh đến khi giải phóng Sài Gòn - Gia Định là bao nhiêu ngày?

A. 5 ngày B. 22 ngày C. 15 ngày D. 10 ngày

Câu 303. Lúc 10h 30 phút ngày 30-4-1975, diễn ra sự kiện cơ bản nào ở Sài Gòn?

A. Dương Văn Minh kêu gọi “ngừng bắn để điều đình giao chính quyền”

B. Xe tăng ta tiến vào dinh độc lập ngụy

C. Lá cờ cách mạng tung bay trên phủ tổng thống ngụy

D. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng

Câu 304. Sự kiện nào đánh dấu cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đã hoàn thành trong cả nước?

A. Hiệp định Giơnevơ 1954 về Đông Dương.

B. Hiệp định Pari 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

C. Thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh 1975.

D. Những quyết định của kỳ họp đầu tiên Quốc hội khóa VI (7 - 1976).

Câu 305. Tỉnh nào cuối cùng được giải phóng trong năm 1975?

A. Cà Mau

B. Kiên Giang

C. Bến Tre

D. Châu Đốc

Câu 306. Thuận lợi cơ bản của cách mạng nước ta sau 1975?

- A. Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân căn bản hoàn thành.
- B. Đất nước đã hoà bình, thống nhất.
- C. Uy tín Việt Nam trên thế giới được nâng cao.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 307. Tính chất của nền kinh tế Miền Nam sau khi giải phóng?

- A. Kinh tế xã hội chủ nghĩa.
- B. Kinh tế Tư bản chủ nghĩa.

C. Kinh tế nông nghiệp, sản xuất nhỏ và phân tán, phát triển không cân đối.

D. Kinh tế công nghiệp tiên tiến.

Câu 308. Ngay sau khi giải phóng, chính quyền cách mạng đã tiến hành biện pháp gì để khôi phục kinh tế Miền Nam ?

A. Tịch thu ruộng đất của địa chủ tư sản chia cho nông dân.

B. Quốc hữu hoá mọi cơ sở kinh doanh tư nhân, thay tiền cũ bằng tiền mới của cách mạng.

C. Tuyên bố xóa bỏ ách bóc lột phong kiến, tiến hành điều chỉnh ruộng đất trong nội bộ nông dân.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 309. Tên gọi "Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam" có từ khi nào ?

A. Ngày 2/9/1945.

B. Ngày 2/7/1976.

C. Ngày 12/2/1951.

D. Ngày 2/7/1975.

Câu 310. Cuộc bầu cử Quốc hội khóa VI đã diễn ra trong khoảng thời gian nào ?

A. Ngày 24/6/1976 đến 3/7/1976.

B. Ngày 26/4/1976 đến 3/7/1976.

C. Ngày 24/6/1976 đến 7/7/1976.

D. Ngày 3/6/1976 đến 24/6/1976.

Câu 311. Quân đội nhân dân Việt Nam lần thứ 2 giúp lực lượng cách mạng Campuchia giải phóng thủ đô Phnôm pênh vào:

A. Ngày 22- 12- 1978.

B. Ngày 7 - 1 - 1979.

C. Ngày 17 - 2 - 1979.

D. Ngày 18 -3 - 1979.

Câu 312. Khó khăn cơ bản nhất của đất nước ta sau 1975 là gì ?

A. Số người mù chữ, số người thất nghiệp chiếm tỉ lệ cao.

B. Bọn phản động trong nước vẫn còn.

C. Nền kinh tế nông nghiệp vẫn còn lạc hậu.

D. Hậu quả của chiến tranh và chủ nghĩa thực dân mới Mĩ để lại rất nặng nề.

Câu 313. Nhiệm vụ trọng tâm của miền Nam giai đoạn đầu sau 1975?

A. Thành lập chính quyền cách mạng và các đoàn thể quần chúng ở những vùng mới giải phóng.

B. Ổn định tình hình và khắc phục hậu quả chiến tranh, khôi phục phát triển kinh tế - văn hoá.

C. Tịch thu ruộng đất của bọn phản động, xoá bỏ bóc lột phong kiến.

D. Quốc hữu hoá ngân hàng.

Câu 314. Sau Đại thắng mùa Xuân năm 1975, kinh tế miền Nam Việt Nam trong chừng mực nhất định phát triển theo hướng

- A. tư bản chủ nghĩa.
- B. xã hội chủ nghĩa.
- C. cộng sản chủ nghĩa.
- D. công nghiệp hóa.

Câu 315. Sau kế hoạch 5 năm (1976 - 1980), tình hình kinh tế Việt Nam như thế nào ?

- A. Nền kinh tế nước ta mất cân đối nghiêm trọng.
- B. Nền kinh tế đã từng bước được phục hồi và phát triển.
- C. Kinh tế tư nhân và cá thể bị ngăn cấm, thu nhập quốc dân và năng suất lao động thấp.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 316. Chiến tranh biên giới Tây Nam bùng nổ khi nào ?

- A. Ngày 3 - 5 - 1975.
- B. Ngày 10-5- 1975.

C. Ngày 22- 12- 1978.

- D. Ngày 1- 1-1979.

Câu 317. Chiến tranh biên giới phía Bắc bùng nổ trong thời gian nào ?

- A. Từ ngày 7-1 - 1979 đến ngày 5 - 3 - 1979.
- B. Từ ngày 17 - 1 - 1979 đến ngày 18 - 3 - 1979.

C. Từ ngày 17. - 2 - 1979 đến ngày 18 - 3 - 1979.

- D. Từ ngày 17 - 2 - 1979 đến ngày 5 - 3 - 1979.

Câu 318. Cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới phía Bắc đã diễn ra trên quy mô bao nhiêu tỉnh?

- A. 4
- B. 5
- C. 6**
- D. 7

Câu 319. Tình hình kinh tế nước ta sau kế hoạch 5 năm (1981 - 1985)

- A. Nền kinh tế trong tình trạng mất cân đối nghiêm trọng.
- B. Không phát huy được tiềm năng của các thành phần kinh tế cá thể tư nhân.
- C. Mục tiêu cơ bản là ổn định tình hình kinh tế - xã hội vẫn chưa thực hiện được.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 320. Chiến thắng biên giới Tây Nam của quân dân ta có ý nghĩa như thế nào?

A. Tạo thời cơ thuận lợi cho cách mạng Cam-pu-chia giành thắng lợi.

- B. Tiêu diệt hoàn toàn chế độ Pôn-pốt - lêng-xê-ri.
- C. Tăng cường tình đoàn kết của ba nước Đông Dương.
- D. Tạo nên sức mạnh tổng hợp của nhân dân hai nước Việt Nam và Cam-pu-chia.

Câu 321. Nền kinh tế của ta sau 5 năm vẫn còn mất cân đối, sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc dân và năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn. Đó là những hạn chế của thời kì nào?

- A. Thực hiện kế hoạch 5 năm lần 1 (1960 - 1965).
- B. Thời kì khôi phục kinh tế miền Bắc (1968 - 1973).

C. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).

- D. Thực hiện kế hoạch 5 năm (1981 - 1985).

Câu 322. Tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội của đất nước trong thời kì 1980 - 1985 được biểu hiện ở nhiều mặt. Điểm nào không đúng với thực tế nói trên?

- A. Vấn đề lương thực chưa được giải quyết.
- B. Đời sống nhân dân còn khó khăn, chưa ổn định.
- C. Hàng tiêu dùng còn khan hiếm.

D. Văn hóa - giáo dục chưa được coi trọng.

Câu 323. Từ sau 30/4/1975, để bảo vệ an toàn lãnh thổ của Tổ quốc, Việt Nam phải đối đầu trực tiếp với những lực lượng nào?

- A. Quân xâm lược Mĩ
- B. Tập đoàn Pôn Pốt (Campuchia)
- C. Cuộc tiến công biên giới phía Bắc của quân Trung Quốc

D. Câu B và C đúng

Câu 324. Nguyên nhân của những khó khăn yếu kém trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980 và 1981 - 1985) là gì?

- A. Do nền kinh tế nước ta vốn dĩ nghèo nàn lạc hậu lại bị chiến tàn phá nặng nề
- B. Do chính sách cấm vận của Mĩ đã làm cản trở quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước
- C. Sự khống chế, phá hoại của các lực lượng thù địch

D. Cả 3 câu trên

Câu 325. Vì sao Việt Nam phải tiến hành đổi mới ?

- A. Đổi mới là một yêu cầu thường xuyên của cách mạng.
- B. Để khắc phục những sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua cuộc khủng hoảng.
- C. Đổi mới để đẩy mạnh công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong bối cảnh quốc tế đang có những chuyển biến mạnh mẽ.

D. Tất cả các ý trên.

Câu 326. Thành tựu về kinh tế đối ngoại từ năm 1986 – 1990?

- A. Hàng xuất khẩu tăng gấp 2 lần.
- B. Hàng xuất khẩu tăng gấp 3 lần.**
- C. Hàng xuất khẩu tăng gấp 2,5 lần.
- D. Hàng xuất khẩu tăng 3,5 lần.

Câu 327. Tính chất nền kinh tế Việt Nam trong thời kì đổi mới?

- A. Kinh tế tự cấp.
- B. Kinh tế bao cấp.
- C. Kinh tế hàng hoá tự do.

D. Kinh tế hàng hoá, có sự điều tiết của nhà nước.

Câu 328. Đường lối đổi mới được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ mấy của Đảng ? Thời gian ?

- A. Đại hội V ; năm 1982.
- B. Đại hội VI; năm 1990.
- C. Đại hội V ; năm 1986.

D. Đại hội VI; năm 1986.

Câu 329. Thành tựu của hoạt động xuất khẩu, trong kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 ?

- A. Đạt 17 tỉ USD.
- B. Đạt 61,5 tỉ USD.
- C. Đạt 51,6 tỉ USD.**
- D. Đạt 55,6 tỉ USD.

Câu 330. Ba mặt hàng chủ lực xuất khẩu của nước ta trong kế hoạch Nhà nước 5 năm 1996 - 2000 là:

- A. Lúa gạo, đồ may mặc, thuỷ sản.
- B. Lúa gạo, thuỷ sản, hồ tiêu.
- C. Lúa gạo, hồ tiêu, cà phê.

D. Lúa gạo, cà phê, thuỷ sản.

Câu 331. Điền thêm từ còn thiếu trong câu sau : “Việt Nam muốn ... với các quốc gia trên thế giới”

- A. Là bạn B. Làm bạn
C. Kết bạn B. Tìm bạn

Câu 332. Thời điểm Việt Nam – Hoa Kỳ thiết lập quan hệ ngoại giao ?

- A. 30 – 4 – 1995 B. 27 – 8 – 1995
C. 11 – 7 – 1995 D. 28 – 7 - 1995

Câu 333. Trong những thành tựu quan trọng bước đầu của công cuộc đổi mới, thành tựu nào quan trọng nhất?

- A. Thực hiện được Ba chương trình kinh tế.
B. Phát triển kinh tế đối ngoại.
C. Kiểm chế được lạm phát.

D. Từng bước đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Câu 334. Hoàn cảnh nào đưa đến việc Đảng ta phải thực hiện đường lối đổi mới?

- A. Đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng.
B. Do những sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, chính sách, chỉ đạo và tổ chức thực hiện.
C. Những thay đổi của tình hình thế giới, nhất là trước sự khủng hoảng ngày càng trầm trọng ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa.

D. Cả 3 ý trên đều đúng.

Câu 335. Đường lối đổi mới của Đảng được điều chỉnh, bổ sung, phát triển tại các kỳ Đại hội nào của Đảng?

- A. Đại hội IV; Đại hội V; Đại hội VI
B. Đại hội V; Đại hội VI; Đại hội VII.
C. Đại hội VI; Đại hội VII; Đại hội VIII.

D. Đại hội VII; Đại hội VIII; Đại hội IX.

Câu 336. Quan điểm đổi mới của Đảng ta tại Đại hội Đảng VI?

- A. Đổi mới về kinh tế.
B. Đổi mới về chính trị.
C. Đổi mới về văn hóa.

D. Đổi mới toàn diện và đồng bộ.

Câu 337. Đường lối đổi mới của Đảng được hiểu như thế nào là đúng?

- A. Đổi mới là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.
B. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa.
C. Mục tiêu xã hội chủ nghĩa được thực hiện có hiệu quả bằng những quan điểm đúng đắn về chủ nghĩa xã hội, những hình thức, bước đi và biện pháp thích hợp.

D. Câu B và C đúng.

Câu 338. Đại hội Đảng VI đã xác định rõ quan điểm đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam là đổi mới toàn diện và đồng bộ nhưng quan trọng nhất là đổi mới trên lĩnh vực nào?

- A. Đổi mới về chính trị.
B. Đổi mới về kinh tế và chính trị.

C. Đổi mới về kinh tế.

D. Đổi mới về văn hóa.

Câu 339. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu chủ nghĩa xã hội mà phải làm gì?

- A. Làm cho chủ nghĩa xã hội ngày càng tốt đẹp hơn.
B. Làm cho mục tiêu ấy được thực hiện có hiệu quả.
C. Làm cho mục tiêu đã đề ra nhanh chóng được thực hiện.
D. Làm cho mục tiêu đã đề ra phù hợp với thực tiễn đất nước.

Câu 340. Hoàn thiện các hình thức khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động nhằm mục đích gì là chủ yếu nhất?

- A. Để tiện lợi cho việc sản xuất.
- B. Để giải phóng sức lao động ở nông thôn.**
- C. Để dễ dàng loại bỏ một số hiện tượng tiêu cực.
- D. Để khuyến khích sản xuất ở nông thôn.

ĐỊA LÝ VIỆT NAM

Câu 1: Điểm cực Bắc phần đất liền nước ta ở vĩ độ 23° 23' B tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, thuộc tỉnh

- A. Lào Cai B. Cao Bằng
- C. Hà Giang** D. Lạng Sơn

Câu 2: Điểm cực Nam phần đất liền nước ta ở vĩ độ 8°34'B tại xã Đất Mũi, huyện, Ngọc Hiển, tỉnh

- A. Kiên Giang **B. Cà Mau**
- C. An Giang D. Bạc Liêu

Câu 3: Điểm cực Tây phần đất liền ở kinh độ 102° 09'Đ tại xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, thuộc tỉnh

- A. Lai Châu **B. Điện Biên**
- C. Sơn La D. Hòa Bình

Câu 4: Điểm cực Đông phần đất liền ở kinh độ 102°24'Đ tại xã Vạn Thạch, huyện Vạn Ninh, thuộc tỉnh

- A. Quảng Ninh B. Bình Định
- C. Phú Yên **D. Khánh Hòa**

Câu 5: Nước ta có hơn 4600 km đường biên giới trên đất liền, giáp với các nước

- A. Trung Quốc, Mianma, Lào
- B. Trung Quốc, Lào, Campuchia**
- C. Trung Quốc, Lào, Thái Lan
- D. Trung Quốc, Lào, Campuchia, Thái Lan

Câu 6: Đường biên giới dài nhất trên đất liền nước ta là với

- A. Lào** B. Trung Quốc
- C. Campuchia D. Thái Lan

Câu 7: Đường bờ biển của nước ta dài 3260 km, chạy từ

- A. Tỉnh Quảng Ninh đến tỉnh Cà Mau
- B. Tỉnh Lạng Sơn đến tỉnh Cà Mau
- C. Tỉnh Lạng Sơn đến tỉnh Kiên Giang
- D. Tỉnh Quảng Ninh đến tỉnh Kiên Giang**

Câu 8: Huyện đảo Hoàng Sa trực thuộc

- A. Tỉnh Quảng Trị **B. Thành phố Đà Nẵng**
- C. Tỉnh Khánh Hòa D. Tỉnh Quảng Ngãi

Câu 9: Huyện đảo Trường Sa trực thuộc

- A. Thành phố Đà Nẵng B. Tỉnh Quảng Nam
- C. Tỉnh Khánh Hòa** D. Tỉnh Quảng Ngãi

Câu 10: Các nước xếp theo thứ tự giảm dần về độ dài đường biên giới trên đất liền với nước ta là

- A. Trung Quốc, Lào, Campuchia
- B. Trung Quốc, Campuchia, Lào
- C. Lào, Campuchia, Trung Quốc

D. Lào, Trung Quốc, Campuchia

Câu 11: Vùng tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở là

- A. Vùng tiếp giáp lãnh hải B. Lãnh hải
C. Vùng đặc quyền về kinh tế **D. Nội thủy**

Câu 12: Vùng biển được quy định nhằm đảm bảo cho việc thực hiện chủ quyền của nước ven biển gọi là

- A. Vùng tiếp giáp lãnh hải** B. Nội thủy
C. Vùng đặc quyền về kinh tế D. Lãnh hải

Câu 13: Vùng biển tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở là

- A. Vùng tiếp giáp lãnh hải B. Nội thủy
C. Vùng đặc quyền về kinh tế D. Lãnh hải

Câu 14: Vùng biển mà ở đó nhà nước ta thực hiện chủ quyền như trên lãnh thổ đất liền, được gọi là :

- A. Nội thủy** B. Lãnh hải
C. Vùng tiếp giáp lãnh hải D. Vùng đặc quyền về kinh tế

Câu 15: Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta

- A. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển
B. Có thảm thực vật bốn màu xanh tốt
C. Có khí hậu hai mùa rõ rệt

D. Mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa

Câu 16: Nước Việt nam nằm ở

- A. Rìa phía Đông châu Á, khu vực cận nhiệt đới
B. Phía Đông Thái Bình Dương, khu vực kinh tế sôi động của thế giới
C. Rìa phía Đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á
D. Ven Biển Đông, trong khu vực khí hậu xích đạo gió mùa

Câu 17: Lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất toàn vẹn, bao gồm:

- A. Vùng đất, hải đảo, thềm lục địa
B. Vùng núi, vùng đồng bằng, vùng biển
C. Vùng đồi núi cao, vùng đồi núi thấp, vùng đồng bằng

D. Vùng đất, vùng trời, vùng

Câu 18: Thành phố trực thuộc trung ương có dân số lớn nhất nước ta là:

- A. Hà Nội B. Đà Nẵng
C. Hải Phòng **D. TP. Hồ Chí Minh**

Câu 19: Các tỉnh ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long không giáp biển là:

- A. Bến Tre, Trà Vinh **B. Hậu Giang, Vĩnh Long**
C. Sóc Trăng, Bạc Liêu D. Cà Mau, Kiên Giang

Câu 20: Hai tỉnh ở vùng Đông Nam bộ giáp với Campuchia là

- A. Tây Ninh, Bình Dương B. Bình Dương, Bình Phước
C. Bình Dương, Đồng Nai **D. Tây Ninh, Bình Phước**

Câu 21. Nằm ở rìa phía Đông của bán đảo Đông Dương là nước

- A. Lào
B. Campuchia
C. Việt Nam
D. Mi-an-ma

Câu 22. Nước ta nằm trong múi giờ thứ mấy?

- A. 5
B. 6
C. 7

D. 8

Câu 23. Trên đất liền, nước ta không có chung biên giới với nước nào?

- A. Lào
- B. Thái Lan**
- C. Trung Quốc
- D. Campuchia

Câu 24. Nước ta giàu có về tài nguyên khoáng sản là do

- A. tiếp giáp với đường hàng hải, hàng không quốc tế
- B. nằm trên vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương**
- C. nằm trên vành đai lửa Thái Bình Dương
- D. nằm trên đường di cư, di lưu của nhiều động thực vật

Câu 25. Cửa khẩu Cầu Treo nằm trên đường biên giới Việt Nam – Lào thuộc tỉnh nào dưới đây?

- A. Quảng Ninh
- B. Điện Biên
- C. Lạng Sơn
- D. Hà Tĩnh**

Câu 26. Cho biết tỉnh nào của nước ta giáp biển?

- A. Quảng Ninh**
- B. Hà Giang
- C. Điện Biên
- D. Sơn La

Câu 27. Do nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương trên vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương, nên Việt Nam có nhiều

- A. Tài nguyên sinh vật quý giá.
- B. Tài nguyên khoáng sản**
- C. Bão và lũ lụt.
- D. Vùng tự nhiên khác nhau trên lãnh thổ

Câu 28. Vấn đề chủ quyền biên giới quốc gia trên đất liền, Việt Nam cần tiếp tục đàm phán với những quốc gia nào dưới đây?

- A. Trung Quốc và Lào
- B. Lào và Cam-pu - chia
- C. Cam-pu-chia và Trung Quốc.
- D. Trung Quốc, Lào và Cam-pu-chia**

Câu 29. Thiên nhiên nước ta cơ bản mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa là do đặc điểm nào của tự nhiên mang lại?

- A. Biển đông.
- B. Vị trí địa lí.**
- C. Địa hình.
- D. Khí hậu.

Câu 30. Cảng biển nào dưới đây là cảng biển mở lối ra biển thuận lợi cho vùng Đông Bắc Cam-pu-chia?

- A. Hải Phòng
- B. Cửa Lò
- C. Đà Nẵng
- D. Cam Ranh**

Câu 31. Hạn chế nào không phải do hình dạng dài và hẹp của lãnh thổ Việt Nam mang lại cho nước ta?

- A. Khoáng sản nước ta đa dạng, nhưng trữ lượng không lớn**

- B. Giao thông Bắc – Nam trắc trở
- C. Việc bảo vệ an ninh và chủ quyền lãnh thổ khó khăn
- D. Khí hậu phân hóa phức tạp

Câu 32. Nguyên nhân nước ta có cán cân bức xạ luôn dương và nền nhiệt độ

- A. nước ta nằm trong khu vực có gió mùa điển hình
- B. nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu Bắc**
- C. nước ta có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa
- D. nước ta có hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang

Câu 33. Nước ta có hình dạng lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang nên

- A. nước ta giàu có về tài nguyên khoáng sản
- B. nước ta giàu có về tài nguyên thủy sản
- C. khí hậu có sự phân hóa Bắc – Nam**
- D. thuận lợi cho giao thông vận tải phát triển

Câu 34. Một hướng chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng trong công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước là ý nghĩa nào của biển Đông?

- A. chính trị.
- B. kinh tế.
- C. An ninh quốc phòng.**
- D. văn hóa – xã hội.

Câu 35. Cam Ranh là Cảng biển mở lối ra biển thuận lợi cho vùng nào dưới đây?

- A. Đông Bắc Cam-pu-chia.**
- B. Đông Bắc Lào.
- C. Tây Nam Trung Quốc.
- D. Đông Thái Lan.

Câu 36. Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở Bắc bán cầu, nên

- A. khí hậu có hai mùa rõ rệt: mùa đông bớt nóng, khô và mùa hạ nóng, mưa nhiều
- B. nền nhiệt độ cao, các cân bức xạ quanh năm dương**
- C. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá
- D. có sự phân hóa tự nhiên rõ rệt.

Câu 37. Đây là nguồn lực tạo điều kiện để nước ta mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới?

- A. Chính sách đổi mới của nhà nước trong thời kì mới.
- B. Nền kinh tế trong nước phát triển.
- C. Vị trí địa thuận lợi.**
- D. Tài nguyên giàu có, nguồn lao động dồi dào.

Câu 38. Ở nước ta, loại tài nguyên nào dưới đây có triển vọng khai thác lớn nhưng chưa được chú ý đúng mức?

- A. tài nguyên đất.
- B. tài nguyên biển.**
- C. tài nguyên rừng.
- D. tài nguyên khoáng sản.

Câu 39. Giải thích tại sao thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng độ vĩ ở Tây Á, châu Phi?

- A. Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.
- B. Nước ta nằm ở trung tâm vùng Đông Nam Á.
- C. Nước ta nằm ở vị trí tiếp giáp của nhiều hệ thống tự nhiên.
- D. Nước ta nằm tiếp giáp Biển Đông với chiều dài bờ biển trên 3260 km.**

Câu 40. Thế mạnh của vị trí địa lí nước ta trong khu vực Đông Nam Á sẽ được phát huy cao độ nếu biết kết hợp xây dựng các loại hình giao thông vận tải nào dưới đây?

- A. Đường ô tô và đường sắt.
- B. Đường biển và đường sắt.
- C. Đường hàng không và đường biển.**
- D. Đường ô tô và đường biển.

Câu 41. Ở nước ta tài nguyên biển là tài nguyên có rất nhiều triển vọng khai thác lớn nhưng vấn đề khai thác đang nằm trong tình trạng nào dưới đây?

- A. biển Đông rất rộng và sâu khó khai thác.
- B. chưa được chú ý đúng mức.**
- C. đã khai thác quá mức và gây ô nhiễm nước.
- D. có nguy cơ cạn kiệt và ô nhiễm nước.

Câu 42. Giải thích tại sao nói “nước ta có vị trí địa lí địa chính trị chiến lược”?

- A. nước ta nằm gần trung tâm gió mùa châu Á.
- B. nước ta mở cửa, hội nhập với các nước trên thế giới.**
- C. nước ta tiếp giáp với Biển Đông rộng lớn.
- D. nước ta có tài nguyên giàu có, nguồn lao động dồi dào.

Câu 43: : Tỷ lệ của địa hình đồi núi và của địa hình đồng bằng so với diện tích toàn lãnh thổ của nước ta lần lượt là:

- A. 1/2 và 1/2
- B. 2/3 và 1/3
- C. 3/4 và 1/4**
- D. 4/5 và 1/5

Câu 44: Dạng địa hình chiếm diện tích lớn nhất trên lãnh thổ nước ta là:

- A. Đồng bằng
- B. Đồi núi thấp**
- C. Núi trung bình
- D. Núi cao

Câu 45: Độ dốc chung của địa hình nước ta là

- A. thấp dần từ Bắc xuống Nam
- B. thấp dần từ Tây sang Đông
- C. thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam
- D. thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam**

Câu 46: Cấu trúc địa hình của nước ta gồm hai hướng chính là

- A. hướng bắc – nam và hướng vòng cung
- B. hướng tây bắc- đông nam và hướng vòng cung**
- C. hướng đông – tây và hướng vòng cung
- D. hướng đông bắc- tây nam và hướng vòng cung

Câu 47: Hướng tây bắc – đông nam của địa hình nước ta thể hiện rõ rệt trong các khu vực

- A. Vùng núi Đông Bắc và vùng núi Tây Bắc
- B. Vùng núi Đông Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam
- C. Vùng núi Tây Bắc và vùng núi Trường Sơn Bắc**
- D. Vùng núi Trường Sơn Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam

Câu 48: Hướng vòng cung của địa hình nước ta thể hiện trong các khu vực

- A. Vùng núi Tây Bắc và vùng núi Đông Bắc
- B. Vùng núi Trường Sơn Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam
- C. Vùng núi Tây Bắc và vùng núi Trường Sơn Bắc
- D. Vùng núi Đông Bắc và vùng núi Trường Sơn Nam**

Câu 49: Vùng núi Đông Bắc có vị trí

- A. nằm ở phía đông của thung lũng sông Hồng**
- B. nằm giữa sông Hồng và sông Cả

- C. nằm từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã
- D. nằm ở phía nam dãy Bạch Mã

Câu 50: vùng núi Tây Bắc có vị trí

- A. nằm ở phía đông của thung lũng sông Hồng
- B. nằm giữa sông Hồng và sông Cả**
- C. nằm từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã
- D. nằm ở phía nam dãy Bạch Mã

Câu 51: vùng núi Trường Sơn Bắc có vị trí

- A. nằm ở phía đông của thung lũng sông Hồng
- B. nằm giữa sông Hồng và sông Cả
- C. nằm từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã**
- D. nằm ở phía nam dãy Bạch Mã

Câu 52: vùng núi Trường Sơn Nam có vị trí

- A. nằm ở phía đông của thung lũng sông Hồng
- B. nằm giữa sông Hồng và sông Cả
- C. nằm từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã
- D. nằm ở phía nam dãy Bạch Mã**

Câu 53: Hang Sơn Đoòng thuộc khối núi đá vôi Kẻ Bàng (Quảng Bình) nằm trong vùng núi

- A. Trường Sơn Bắc** B. Trường Sơn Nam
- C. Đông Bắc D. Tây Bắc

Câu 54: Đặc điểm nào dưới đây không phải là đặc điểm chung của địa hình nước ta?

- A. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa
- B. Địa hình ít chịu tác động của con người**
- C. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp
- D. Cấu trúc địa hình khá đa dạng

Câu 55: Khối núi Thượng nguồn sông Chảy gồm nhiều đỉnh núi cao trên 2000m nằm trong vùng núi

- A. Trường Sơn Bắc B. Trường Sơn Nam
- C. Đông Bắc** D. Tây Bắc

Câu 56: Cấu trúc địa hình với “ bốn cánh cung núi lớn, chụm lại ở Tam Đảo” thuộc vùng núi

- A. Đông Bắc** B. Tây Bắc
- C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam

Câu 57: Ở vùng núi Đông Bắc, từ Tây sang Đông lần lượt là các cánh cung:

- A. Ngân Sơn, Bắc Sơn, Sông Gâm, Đông Triều
- B. Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều**
- C. Bắc Sơn, Ngân Sơn, Đông Triều, Sông Gâm
- D. Đông Triều, Bắc Sơn, Sông Gâm, Ngân Sơn

Câu 58: Đặc điểm địa hình “ Gồm ba dải địa hình chạy cùng hướng tây bắc – đông nam và cao nhất nước ta” là của vùng núi

- A. Đông Bắc **B. Tây Bắc**
- C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam

Câu 59: Cấu trúc địa hình “ gồm các dãy núi song song và so le nhau theo hướng tây bắc – đông nam” là của vùng núi

- A. Đông Bắc B. Tây Bắc
- C. Trường Sơn Bắc** D. Trường Sơn Nam

Câu 60. Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta được biểu hiện rõ rệt ở

A. sự xâm lược mạnh mẽ tại miền đồi núi và bồi lắng phù sa tại các vùng trũng.

B. sự đa dạng của địa hình: đồi núi, cao nguyên, đồng bằng...

C. sự phân hóa rõ theo độ cao với nhiều bậc địa hình

D. cấu trúc địa hình gồm 2 hướng chính: tây bắc – đông nam và vòng cung

Câu 61. Sự xâm lược mạnh mẽ tại miền đồi núi và bồi lắng phù sa tại các vùng trũng là đặc điểm nào của địa hình nước ta?

A. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

B. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.

C. Địa hình nước ta khá đa dạng

D. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.

Câu 62. Dãy Bạch Mã là ranh giới tự nhiên của

A. vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc.

B. vùng núi Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.

C. vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.

D. vùng núi Đông Bắc và Trường Sơn Bắc.

Câu 63. Nét nổi bật của địa hình vùng núi Tây Bắc là

A. Gồm các khối núi và cao nguyên.

B. Có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta.

C. Có bốn cánh cung lớn.

D. Địa hình thấp và hẹp ngang.

Câu 64. Đèo Hải Vân nằm giữa hai tỉnh nào dưới đây?

A. Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng

B. Hà Tĩnh và Quảng Bình

C. Quảng Trị và Quảng Bình

D. Thanh Hóa và Nghệ An

Câu 65. Đèo Ngang nằm giữa hai tỉnh nào?

A. Thừa Thiên Huế và Đà Nẵng.

B. Hà Tĩnh và Quảng Bình.

C. Quảng Trị và Quảng Bình.

D. Thanh Hóa và Nghệ An.

Câu 66. Bán bình nguyên điển hình nhất ở vùng nào?

A. Đông Bắc.

B. Đông Nam Bộ.

C. Bắc Trung Bộ.

D. Tây Nguyên.

Câu 67: Đồng bằng nước ta được chia thành hai loại là:

A. đồng bằng thấp và đồng bằng cao

B. đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển

C. đồng bằng phù sa mới và đồng bằng phù sa cổ

D. đồng bằng phù sa sông và đồng bằng pha cát ven biển

Câu 68: Đồng bằng châu thổ sông ở nước ta đều được thành tạo và phát triển do phù sa sông bồi tụ dần trên cơ sở

A. vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng

B. vịnh biển nông, thềm lục địa hẹp

C. vịnh biển sâu, thềm lục địa mở rộng

D. vịnh biển sâu, thềm lục địa hẹp

Câu 69: Bề mặt đồng bằng sông Hồng bị chia cắt thành nhiều ô là do

A. có hệ thống kênh mương thủy lợi rất phát triển

B. con người khai phá từ lâu đời và làm biến đổi mạnh

C. phù sa sông bồi tụ trên một bề mặt không bằng phẳng

D. có hệ thống đê ven sông ngăn lũ chia cắt

Câu 70: ở nhiều đồng bằng ven biển miền Trung thường có sự phân chia thành 3 dải, lần lượt từ biển vào là

A. vùng trũng thấp – cồn cát, đầm phá – đồng bằng

B. cồn cát, đầm phá – đồng bằng – vùng thấp trũng

C. cồn cát, đầm phá – vùng thấp trũng- đồng bằng

D. đồng bằng – cồn cát – đầm phá – vùng thấp trũng

Câu 71: Các đồng bằng tương đối lớn nằm ven biển miền Trung, từ Bắc vào Nam lần lượt là

A. Nghệ An – Thanh Hóa – Quảng Nam – Tuy Hòa

B. Thanh Hóa – Nghệ An – Tuy Hòa – Quảng Nam

C. Nghệ An – Thanh Hóa – Tuy Hòa – Quảng Nam

D. Thanh Hóa – Nghệ An – Quảng Nam – Tuy Hòa

Câu 72: “ Về mùa lũ, nước ngập trên diện rộng; về mùa cạn, nước triều lấn mạnh” là đặc điểm của

A. đồng bằng sông Hồng **B. đồng bằng sông Cửu Long**

C. đồng bằng Quảng Nam D. đồng bằng Tuy Hòa

Câu 73: "2/3 diện tích đồng bằng là đất mặn, đất phèn" là đặc điểm của

A. đồng bằng sông Hồng B. đồng bằng Thanh Hóa

C. đồng bằng Nghệ An **D. đồng bằng sông Cửu Long**

Câu 74: Dải đồng bằng miền Trung không liên tục bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ là do

A. thêm lục địa ở khu vực này thu hẹp

B. sông ở đây có lượng phù sa nhỏ

C. có nhiều dãy núi ăn lan ra sát biển

D. có nhiều cồn cát, đầm phá

Câu 75: thế mạnh nào dưới đây không có ở khu vực đồi núi?

A. Khoáng sản B. nguồn thủy năng

C. nguồn hải sản D. rừng và đất trồng

Câu 76: thiên tai nào dưới đây không xảy ra ở khu vực đồi núi?

A. lũ ống, lũ quét **B. triều cường, ngập mặn**

C. động đất, trượt lở đất D. sương muối, rét hại

Câu 77. Đâu không phải khó khăn chủ yếu của vùng đồi núi là

A. lũ quét.

B. nhiễm phèn.

C. sạt lở đất.

D. xói mòn.

Câu 78. Cây công nghiệp được trồng chủ yếu ở

A. vùng đồi núi thấp.

B. các vùng trung du chuyển tiếp.

C. các vùng cao nguyên rộng lớn.

D. Các đồng bằng châu thổ.

Câu 79. Vùng đồi núi có nhiều phong cảnh đẹp, mát mẻ thích hợp phát triển ngành nào dưới đây?

A. Thương mại.

B. Du lịch.

C. Trồng cây lương thực.

D. Trồng cây công nghiệp.

Câu 80. Theo nguồn gốc hình thành, địa hình khu vực đồng bằng nước ta gồm các loại

A. Đồng bằng ven biển và đồng bằng châu thổ

B. Tam giác châu và đồng bằng ven biển.

C. Đồng bằng châu thổ và bán bình nguyên.

D. Đồng bằng ven biển và tam giác châu.

Câu 81. Ý nào sau đây không phải là thuận lợi chủ yếu của khu vực đồng bằng?

A. Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hóa cây trồng.

B. Cung cấp các nguồn lợi khác về thủy sản, lâm sản, khoáng sản

C. Địa bàn thuận lợi để phát triển tập trung cây công nghiệp lâu năm.

D. Là điều kiện thuận lợi để tập trung các khu công nghiệp, thành phố.

Câu 82. Đồng bằng sông Hồng giống Đồng bằng sông Cửu Long ở điểm

A. Do phù sa sông ngòi bồi tụ tạo nên.

B. Có nhiều sông ngòi, kênh rạch.

C. Diện tích 40 000 km².

D. Có hệ thống đê sông và đê biển.

Câu 83. Đặc điểm nào sau đây không phải của dải đồng bằng ven biển miền Trung?

A. Hẹp ngang.

B. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

C. Chỉ có một số đồng bằng được mở rộng ở các cửa sông lớn.

D. Được hình thành do các sông bồi đắp.

Câu 84. Bão, lũ lụt, hạn hán, gió tây khô nóng là thiên tai xảy ra chủ yếu ở vùng

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Tây Bắc.

C. Duyên hải miền Trung.

D. Tây Nguyên.

Câu 85. Thích hợp nhất đối với việc trồng các cây công nghiệp, cây ăn quả là địa hình của

A. Cao nguyên badan, bán bình nguyên, đồi trung du

B. Bán bình nguyên đồi và trung du, đồng bằng châu thổ

C. Các vùng núi cao có khí hậu cận nhiệt và ôn đới

D. Vùng đồng bằng châu thổ rộng lớn.

Câu 86. Thiên tai xảy ra hàng năm, đe dọa và gây hậu quả nặng nề nhất cho vùng đồng bằng, ven biển nước ta là

A. Bão.

B. Sạt lở bờ biển

C. Cát bay, cát chảy

D. Động đất

Câu 87:Biển Đông có đặc điểm nào dưới đây?

A. Nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa

B. Là một trong các biển nhỏ ở Thái Bình Dương

C. Nằm ở phía Đông của Thái Bình Dương

D. Phái đông và đông nam mở ra đại dương

Câu 88 : Đặc điểm nào sau đây không phải của biển Đông?

A. Nằm ở phía Đông của Thái Bình Dương B. Là một biển rộng

C. Là biển tương đối kín D. Nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa

Câu 89: Tác động toàn diện của biển Đông lên khí hậu nước ta là

A. Mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn

B. Làm cho khí hậu nước ta mang đặc tính khí hậu hải dương nên điều hòa hơn

C. Làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh, khô trong mùa đông

D. Làm giảm bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ

Câu 90: Ở nước ta hiện nay, tài nguyên thiên nhiên vùng biển có ý nghĩa lớn nhất tới đời sống của cư dân ven biển là

A. Tài nguyên du lịch biển B. Tài nguyên khoáng sản

C. Tài nguyên hải sản D. Tài nguyên điện gió

Câu 91: Loại thiên tai không xảy ra ở vùng biển nước ta là

A. Sạt lở bờ biển B. Nạn cát bay

C. Triều cường D. Bão

Câu 92. Vùng Nam Bộ có

A. tài nguyên dầu khí lớn nhất nước ta

B. hệ sinh thái rừng ngập mặn điển hình nhất

C. nhiều loại tài nguyên khoáng sản nhất

D. có trữ lượng thủy, hải sản ít nhất cả nước

Câu 93. Vùng biển thuận lợi nhất cho nghề làm muối ở nước ta là

A. Bắc Bộ.

B. Bắc Trung Bộ.

C. Nam Trung Bộ.

D. Nam Bộ.

Câu 94. Ở vùng Nam Trung Bộ nổi tiếng với nghề nào dưới đây?

A. Đánh bắt thủy hải sản

B. Sản xuất lúa gạo

C. Sản xuất nước mắm, muối

D. Khai thác dầu khí

Câu 95. Hiện tượng sạt lở bờ biển xảy ra mạnh nhất ở khu vực ven biển của khu vực

A. Bắc Bộ.

B. Trung Bộ.

C. Nam Bộ.

D. Vịnh Thái Lan.

Câu 96. Hiện tượng hoang mạc hóa xảy ra mạnh nhất ở khu vực ven biển nào?

A. miền Bắc

B. miền Trung

C. miền Nam

D. cả nước

Câu 97. Hệ sinh thái vùng ven biển nước ta chiếm ưu thế nhất là

A. Hệ sinh thái rừng ngập mặn

B. Hệ sinh thái trên đất phèn

C. Hệ sinh thái rừng trên đất, đá pha cát ven biển

D. Hệ sinh thái rừng trên đảo và rạn san hô

Câu 98. Hệ sinh thái rừng mặn cho năng suất sinh học cao nhất ở vùng nước nào?

A. nước mặn

B. nước ngọt

C. nước lợ

D. nước mặn và lợ

Câu 99. Nhờ có biển Đông nên khí hậu nước ta mang nhiều đặc tính của khí hậu nào?

- A. Lục địa
- B. Hải dương**
- C. Địa Trung Hải
- D. Nhiệt đới ẩm

Câu 100. Khí hậu nước ta mang đặc tính khí hậu hải dương, điều hòa hơn là nhờ

- A. Nằm gần Xích đạo, mưa nhiều.
- B. Địa hình 85% là đồi núi thấp.
- C. Chịu tác động thường xuyên của gió mùa.

D. Tiếp giáp với Biển Đông.

Câu 101. Ở nước ta thời tiết mùa đông bớt lạnh khô, mùa hè bớt nóng bức là nhờ

- A. Nằm gần Xích đạo, mưa nhiều.
- B. Địa hình 85% là đồi núi thấp.
- C. Chịu tác động thường xuyên của gió mùa.

D. Tiếp giáp với Biển Đông (trên 3260 km bờ biển).

Câu 102. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của Biển Đông được thể hiện rõ ở

- A. Khoáng sản biển
- B. Thiên tai vùng biển
- C. Thành phần loài sinh vật biển.**
- D. Các dạng địa hình ven biển.

Câu 103. Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của Biển Đông không được thể hiện qua

- A. nhiệt độ
- B. các dòng hải lưu
- C. sinh vật biển

D. khoáng sản

Câu 104: Trong những năm qua, tổng diện tích rừng nước ta đang tăng dần lên nhưng:

- A. Diện tích rừng tự nhiên vẫn giảm
- B. Diện tích rừng trồng vẫn không tăng
- C. Độ che phủ rừng vẫn giảm

D. Tài nguyên rừng vẫn bị suy thoái

Câu 105: Tổng diện tích đất trồng rừng của nước ta, chiếm tỉ lệ lớn nhất là

- A. Rừng giàu
- B. Rừng nghèo và rừng phục hồi**
- C. Rừng trồng chưa khai thác được
- D. Đất trống, đồi núi trọc

Câu 106: Một trong những nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển rừng phòng hộ là:

- A. Bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh vật của các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên
- B. Đảm bảo duy trì phát triển diện tích rừng và chất lượng

C. Trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc

- D. Duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng rừng

Câu 107: Nguyên tắc quản lí, sử dụng và phát triển rừng đặc dụng là

A. Bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh vật của các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên

- B. Trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc
- C. Đảm bảo duy trì phát triển diện tích rừng và chất lượng
- D. Duy trì và phát triển hoàn cảnh rừng, độ phì và chất lượng rừng

Câu 108: sự suy giảm đa dạng sinh học ở nước ta không có biểu hiện nào dưới đây

- A. Suy giảm về số lượng loài
- B. Suy giảm thể trạng của các cá thể trong loài**
- C. Suy giảm về hệ sinh thái
- D. Suy giảm về nguồn gen quý hiếm

Câu 109: Biện pháp nào dưới đây không sử dụng bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta?

- A. Quy định về việc khai thác
- B. Ban hành sách Đỏ Việt Nam
- C. Cấm tuyệt đối việc khai thác tài nguyên thiên nhiên**
- D. Xây dựng và mở rộng hệ thống các vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên

Câu 110. Ở nước ta, rừng không được phân chia thành

- A. rừng vườn quốc gia.**
- B. rừng sản xuất.
- C. rừng phòng hộ.
- D. rừng đặc dụng.